

PHỤ LỤC V
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1	Phường Ninh Kiều			
1.1	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phan Đăng Lưu	23.100
1.2	Đường Bà Triệu	Đường Ngô Gia Tự	Cuối đường	28.400
1.3	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Đinh Tiên Hoàng	34.700
1.4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Đường Phạm Ngũ Lão	39.900
1.5	Đường Cao Bá Quát	Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	18.900
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	16.200
1.6	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	100.300
1.7	Đường Đề Thám	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Khuyến	70.500
		Đường Nguyễn Khuyến	Đường Huỳnh Cương	63.800
1.8	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Văn Tần	Đường Ngô Đức Kế	36.900
		Đường Ngô Đức Kế	Cuối đường	18.900
1.9	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Cầu Xô Viết Nghệ Tĩnh	57.100
1.10	Đường Đồng Khởi	Đường Hòa Bình	Đường Châu Văn Liêm	63.100
		Đường Châu Văn Liêm	Cuối đường	32.100
1.11	Đường 3 Tháng 2	Đường Mậu Thân	Giáp ranh phường Tân An	63.800
1.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Hòa Bình	Đường Trần Ngọc Quế	98.000
1.13	Đường cặp bờ kè Hồ Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh Trường Đại học Cần Thơ (Khu II)	23.800
1.14	Đường cặp bờ kè Rạch Khai Luông	Giáp ranh Nhà khách Đoàn 30	Cầu Ninh Kiều	21.000
1.15	Đường nội bộ Vincom Xuân Khánh	Cả khu		31.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.16	Đường Hai Bà Trưng	Nhà hàng Ninh Kiều	Đường Nguyễn An Ninh	100.300
		Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	55.900
1.17	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	34.700
1.18	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	23.100
		Đường Hùng Vương	Hẻm 67, Đường Phan Đăng Lưu	16.800
1.19	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Trãi	Đường 30 Tháng 4	177.800
1.20	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	47.600
1.21	Đường Hùng Vương	Cầu Nhị Kiều	Vòng xoay Bến xe	62.700
1.22	Đường Huỳnh Cương	Đường Hoàng Văn Thụ - quanh Hồ Xáng Thối	Đường Hoàng Văn Thụ	46.800
1.23	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Mậu Thân	41.900
1.24	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Cầu Nhị Kiều	Đường Yết Kiêu	21.000
1.25	Đường Lê Lai	Các đoạn trải nhựa, giáp Đường Phan Văn Trị		21.000
1.26	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Ngô Quyền	78.500
1.27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	55.700
1.28	Đường Phan Văn Trị	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III)	Đường 30 Tháng 4	71.400
1.29	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III) - Đường Trương Định	109.400
		Đường Trương Định	Đường Hòa Bình	71.400
1.30	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trương Định	Cuối đường	18.900
1.31	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Bần)	Đường Mậu Thân	Đường 3 Tháng 2	18.900
1.32	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Tham Tướng)	Sông Cần Thơ	Đường Mậu Thân	16.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.33	Đường Mậu Thân	Đường Tầm Vu	Đường 30 Tháng 4	35.900
		Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	85.100
		Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Rạch Ngỗng 1	73.200
1.34	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	84.500
1.35	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	55.900
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	32.100
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	21.400
1.36	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trãi	59.400
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Võ Thị Sáu	34.700
1.37	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	34.700
		Đường Hòa Bình	Đường Lý Thường Kiệt	34.700
1.38	Đường Ngô Quyền	Bờ sông Cần Thơ	Đường Hòa Bình	87.800
		Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	75.200
1.39	Đường Ngô Văn Sở	Đường Hòa Bình	Đường Phan Đình Phùng	46.200
1.40	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	100.300
1.41	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	46.200
1.42	Đường Nguyễn Du	Đường Châu Văn Liêm	Đường Ngô Đức Kế	18.900
1.43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Hữu Hạnh	34.700
1.44	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	46.200
1.45	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	100.300
1.46	Đường Nguyễn Thần Hiến	Đường Lý Tự Trọng	Cuối đường	23.100
1.47	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Phan Đình Phùng	Cầu Quang Trung	34.700
		Cầu Quang Trung	Đường Tầm Vu	21.000
1.48	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hòa Bình	Vòng xoay Bến xe	114.000
1.49	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Phan Văn Trị	Đường Mậu Thân	39.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.50	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hẻm 85	32.600
		Hẻm 85	Cuối đường	21.000
1.51	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	63.100
1.52	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	63.100
1.53	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Bà Huyện Thanh Quan	39.300
1.54	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	Đường Ngô Đức Kế	87.800
		Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	73.200
1.55	Đường Quang Trung	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 33 và Hẻm 50	39.300
		Hẻm 33 và Hẻm 50	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	26.200
1.56	Đường Tầm Vu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Vincom Xuân Khánh	14.700
		Vincom Xuân Khánh	Đường Trần Ngọc Quế	9.500
1.57	Đường Tân Trào	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	65.500
1.58	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	46.200
1.59	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	23.100
1.60	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nhị Kiều	Đường Mậu Thân	106.400
1.61	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	47.600
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	21.400
1.62	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	46.200
1.63	Đường Trần Văn Hoài	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	47.600
1.64	Đường Trương Định	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Ngô Quyền	28.400
		Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	14.700
		Đường Đề Thám	Đường Lý Tự Trọng	23.100
1.65	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	42.000
1.66	Đường Võ Văn Tần	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	100.300
1.67	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Hoàng Văn Thụ	63.100
1.68	Đường Yết Kiêu	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lê Anh Xuân	18.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.69	Khu nội bộ Mậu Thân	Đường Cao Thắng		15.600
		Đường Đinh Công Tráng		15.600
		Đường Nguyễn Cư Trinh		15.600
		Đường Nguyễn Ngọc Trai		15.600
		Đường Nguyễn Văn Trỗi		15.600
1.70	Đường nội bộ Khu tập thể Công ty Cấp thoát nước, khu công viên cây xanh (cũ) Đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5)	Các trục đường chính		18.900
1.71	Khu dân cư (Kế Chi cục Thú y) 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9)	Các trục đường chính		18.900
1.72	Khu dân cư Búng Xáng	Đường nội bộ		11.600
1.73	Khu dân cư Trần Khánh Dư	Đường 30 Tháng 4	Ngã ba hẻm	20.000
		Các trục chính còn lại		17.900
1.74	Hẻm 54, Đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Hết trục đường chính	18.900
1.75	Hẻm 14; Hẻm 86, Đường Lý Tự Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đề Thám	23.100
1.76	Hẻm 95, Đường Mậu Thân	Đường Mậu Thân	Trạm Y tế (cũ)	16.800
1.77	Hẻm 72B, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	11.600
1.78	Hẻm 88, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	11.600
1.79	Hẻm 93, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	18.900
1.80	Hẻm 218, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	16.800
1.81	Hẻm 50, Đường Quang Trung	Đường Quang Trung	Cuối hẻm	9.500
1.82	Hẻm 108, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Việt Hồng	18.900
2	Phường Cái Khế			
2.1	Đường Bế Văn Đàn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	11.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
2.2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám (Bên phải)	39.900
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Nguyễn Huệ (Bên trái)	35.050
2.3	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba	14.700
		Ngã ba	Cuối đường	9.500
2.4	Đường nội bộ Khu dân cư Quận 9	Đường Trần Quang Khải	Đường Lý Hồng Thanh	28.400
2.5	Đường Sông Hậu và các trục đường quanh Công viên nước	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Khách sạn Victoria)	11.600
2.6	Đường vào Công an quận Ninh Kiều (cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	16.800
2.7	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	57.800
2.8	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Đường Yết Kiêu	Cầu Rạch Ngỗng 1	21.000
		Cầu Rạch Ngỗng 1	Cầu Rạch Ngỗng 2	20.500
2.9	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	34.700
		Đường Trần Văn Khéo	Khách sạn Victoria	16.800
2.10	Đường Lương Định Của	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	34.700
2.11	Đường Lý Hồng Thanh	Khu chung cư	Bờ kè Cái Khế	46.200
2.12	Đường Mậu Thân	Chân cầu Rạch Ngỗng 1	Đường Nguyễn Văn Cừ	55.900
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Huệ	18.600
2.13	Đường Nguyễn Bình	Đường Lê Lợi	Đường Ung Văn Khiêm	16.800
2.14	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	46.200
2.15	Đường Nguyễn Huệ (Vành đai Phi trường)	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	26.300
2.16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	57.800
2.17	Đường Nguyễn Hữu Cầu (Đường số 1, Khu dân cư Hoàn Mỹ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	11.600
2.18	Đường Nguyễn Hữu Trí (Đường số 5, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường số 7, Khu dân cư Vạn Phát	7.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
2.19	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Nguyễn Trãi	Vòng xoay Bến xe	114.000
2.20	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngõng 2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	47.600
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Cồn Khương	32.100
		Chân cầu Cồn Khương	Rạch Khai Luông (Đường hai bên chân cầu)	14.300
		Cầu Cồn Khương	Sông Hậu	14.300
2.21	Đường Phạm Công Trứ (Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Trần Văn Giàu	Cuối đường	7.400
2.22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	52.400
2.23	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Yết Kiêu	32.600
2.24	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	34.700
2.25	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	52.400
		Đường Lê Lợi	Hai Bến phà Cần Thơ	26.200
2.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	42.000
		Đường Ung Văn Khiêm	Đường Lê Lợi	18.900
2.27	Đường Trần Văn Giàu (Đường Khu dân cư Linh Thành)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	11.600
2.28	Đường Trần Văn Khéo	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	95.100
2.29	Đường Trần Văn Ôn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	11.600
2.30	Đường Trần Việt Châu	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Phạm Ngũ Lão	32.600
2.31	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Bình Khiêm	46.200
2.32	Đường Võ Trường Toản	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	16.800
2.33	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Bình Thủy	20.000
2.34	Khu chung cư C Mậu Thân	Cả khu		6.300
2.35	Khu chung cư Cơ Khí	Cả khu		7.400
2.36	Khu dân cư Miền Tây - Cần Đô	Cả khu		23.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
2.37	Khu dân cư Vạn Phát (Giai đoạn 1); Khu dân cư Hoàn Mỹ (Trừ trục đường đã được đặt tên)	Cả khu		11.600
2.38	Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế	Cả khu		18.900
2.39	Đường Yết Kiêu	Đường Lê Anh Xuân	Đường Phạm Ngũ Lão	18.900
2.40	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	13.700
2.41	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	8.800
2.42	Hẻm 38, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	9.500
2.43	Hẻm 42, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	9.500
2.44	Hẻm 54, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	12.600
2.45	Hẻm 62, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	9.500
3	Phường Tân An			
3.1	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	51.900
3.2	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	33.200
3.3	Đường Quán Trọng Hoàng	Đường 3 Tháng 2	Tập thể Tỉnh ủy (cũ)	11.600
3.4	Đường Tầm Vu	Đường Trần Ngọc Quế	Chợ Tầm Vu	18.900
		Chợ Tầm Vu	Cầu Mương Lộ	9.500
		Cầu Mương Lộ	Cuối đường	9.500
3.5	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Ninh Kiều	Cầu Đầu Sáu (Giáp ranh phường An Bình)	59.300
3.6	Đường Trần Hoàng Na	Đường Tầm Vu (Đường dân sinh hai bên cầu)	Chân cầu Trần Hoàng Na	18.000
		Chân cầu Trần Hoàng Na	Đường 3 Tháng 2	30.900
		Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sáu (Giáp ranh phường An Bình)	23.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
3.7	Đường Lê Văn Thuấn (Hẻm 132, Đường 3 Tháng 2)	Đường 3 Tháng 2	Nhánh hẻm 25, Đường Nguyễn Văn Linh	10.500
3.8	Đường Nam Cao (Đường B12 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	9.500
3.9	Đường Ngô Tất Tố (Đường B26 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	9.500
3.10	Đường Chu Văn An (Đường số 4 - Khu tái định cư Thới Nhựt 2)	Đường số 5	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	7.400
3.11	Đường Phạm Sơn Khai (Trừ các tuyến đường thuộc Khu nhà ở cán bộ giáo viên Đại học Cần Thơ)	Quốc lộ 91B	Đường Búng Xáng	16.800
3.12	Đường Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Cầu Rạch Ngỗng	23.800
3.13	Đường cặp bờ kè Rạch Ngỗng	Đường Búng Xáng	Cầu Rạch Ngỗng 2	12.600
3.14	Đường Lê Bình	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	23.100
3.15	Đường Lê Chân (Đường A2 - Khu dân cư 91B)	Đường số B21	Đường số 23	9.500
3.16	Đường Lý Chính Thắng	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Linh	11.600
3.17	Đường Ngô Sĩ Liên (Đường số 01 - Khu dân cư Metro)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường số 3	9.500
3.18	Đường Ngô Thị Nhậm (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường số 6	Đường Trần Minh Sơn	7.400
3.19	Đường Nguyễn Hiền	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hoàng Na	16.800
		Đường Trần Hoàng Na	Cuối đường	16.800
3.20	Đường Nguyễn Minh Quang (Đường số 24 - Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Nguyễn Minh Quang	7.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
3.21	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	16.700
3.22	Đường Phạm Thế Hiển (Đường 11A, Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	7.400
3.23	Đường Phan Huy Chú (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	7.400
3.24	Đường Trần Bạch Đằng (Trục chính Khu dân cư nâng cấp đô thị)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Long Tuyền	16.700
3.25	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 05 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ	9.500
3.26	Đường Trần Nam Phú	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường cặp Hồ Búng Xáng	17.900
3.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	47.600
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	21.400
3.28	Đường Trần Văn Long	Đường số 5 - Khu dân cư Thới Nhựt 2	Đường cặp Rạch Bà Bộ	9.500
3.29	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 6, Khu dân cư Thới Nhựt 2	7.400
3.30	Đường Nguyễn Văn Hưởng	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	7.400
3.31	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	7.400
3.32	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Chân cầu Hưng Lợi	Đường Nguyễn Văn Cừ	29.700
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Rạch Bà Bộ	23.000
		Hai bên chân cầu Hưng Lợi	Sông Cần Thơ	23.100
3.33	Khu dân cư 91B - Giai đoạn 3 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		16.800
		Trục phụ		6.750
3.34	Khu chung cư Đường 3 Tháng 2 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục đường chính dẫn vào khu chung cư A, B, C, D, do Nhà nước đầu tư		11.600
		Trục phụ		9.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
3.35	Khu dân cư 91B (Giai đoạn 1, tính từ Quốc lộ 91B - Trần Hoàng Na dự mở (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		16.800
		Trục phụ		9.500
3.36	Khu dân cư 148, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đường trải nhựa	9.500
3.37	Khu dân cư 351, Đường 30 Tháng 4	Các trục đường chính		14.700
3.38	Khu dân cư 274, Đường 30 Tháng 4	Đường nội bộ		14.700
3.39	Khu dân cư 515, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hết đường trải nhựa	9.500
3.40	Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị	Các đường còn lại		7.400
3.41	Khu dân cư Hàng Bàng	Cả khu		7.400
3.42	Khu dân cư Metro Cash (Trừ Đường số 1)	Trục chính		9.500
		Trục phụ		7.400
3.43	Khu dân cư Phước Kiến, Tầm Vu	Đường nội bộ		8.400
3.44	Khu tái định cư Thới Nhứt 2 (Giai đoạn 1 và 2)	Cả khu		7.400
3.45	Khu tái định cư Thới Nhứt - Lô 1A (Công ty Hồng Quang làm chủ đầu tư)	Phần tiếp giáp Đường Trần Bạch Đằng		14.700
		Các trục đường còn lại		7.500
3.46	Khu tái định cư Trường Đại học Y Dược (Giai đoạn 1)	Trục chính		14.700
		Trục phụ		9.500
3.47	Hẻm 12, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đoạn trải nhựa	10.500
3.48	Hẻm 483, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 17, Đường Trần Hoàng Na	10.500
3.49	Hẻm 577, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	10.500
4	Phường An Bình			
4.1	Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sáu	Chân cầu Cái Răng	29.300
		Hai bên chân cầu Cái Răng	Sông Cần Thơ	19.800
4.2	Đường Trần Hoàng Na	Cầu Đầu Sáu	Đường Nguyễn Văn Cừ	23.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
4.3	Đường Hậu Giang	Đường 3 Tháng 2	Cuối đường	13.700
4.4	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	28.100
		Cầu Cái Sơn 2	Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	16.600
		Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	Giáp ranh xã Phong Điền	5.600
4.5	Đường Tú Xương (Đường số 6, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Xuân Thủy	Cuối đường	8.800
4.6	Đường Xuân Thủy (Đường số 7 và Đường số 15, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hoàng Quốc Việt	8.800
4.7	Đường Hoàng Quốc Việt	Lộ Vòng Cung	Cầu Hàng Bàng	8.700
4.8	Đường Nguyễn Văn Trường	Lộ Vòng Cung	Cầu Ngã Cái	6.800
4.9	Đường Trần Vĩnh Kiệt	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Cừ	8.300
4.10	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Răng	Cầu Rau Răm	8.800
		Cầu Rau Răm	Giáp ranh xã Phong Điền	6.800
4.11	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng (Khu B)	Phản mở rộng		8.800
4.12	Khu dân cư Hồng Phát (Các trục đường nội bộ chưa có tên trong bảng giá đất)	Trục chính		12.600
		Trục phụ		8.800
4.13	Khu đô thị mới An Bình	Cả khu		8.800
4.14	Khu tái định cư Đường tỉnh 923	Cả khu		4.900
4.15	Khu tái định cư Rạch Ngã Ngay	Cả khu		5.900
4.16	Khu chợ Mỹ Khánh và XD Thương mại thuộc Khu tái định cư hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ (Công ty Mặt Trời Đỏ trúng đấu giá)	Cặp Đường Nguyễn Văn Cừ		9.900
4.17	Khu tái định cư xã Mỹ Khánh (Thuộc dự án khai thác quỹ đất)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trường Tiền - Bông Vang	7.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
4.18	Đường Trường Tiền - Bông Vang (Trừ đoạn qua Khu tái định cư xã Mỹ Khánh)	Lộ Vòng Cung	Cầu Rạch Dinh	3.400
		Cầu Rạch Dinh	Cầu Rạch Nhum	2.900
		Các trục đường nội bộ Khu nhà ở cán bộ Học viện chính trị hành chính khu vực 4		2.900
4.19	Đường Rạch Kè - Bờ Hồ	Rạch Kè	Rạch Bờ Hồ	2.000
4.20	Đường cặp Rạch Cái Sơn (Hai bên)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Vòng Cung	2.000
4.21	Hẻm 234, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	2.500
4.22	Hẻm 170, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	2.000
4.23	Hẻm 36, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	3.500
4.24	Đường Rau Mui - Mỹ Hòa	Cầu Rau Mui	Giáp ranh khu vực Mỹ Hòa	2.000
4.25	Đường cặp Rạch Sao	Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Phong Điền	2.000
4.26	Khu tái định cư An Bình	Trục chính		12.000
		Trục phụ		11.000
4.27	Khu tái định cư Ninh Kiều	Trục chính		12.000
		Trục phụ		11.000
4.28	Khu tái định cư Phong Điền (Giai đoạn 1)	Trục chính		6.500
		Trục phụ		5.500
5	Phường Bình Thủy			
5.1	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Bình Thủy	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	17.800
			Hết ranh Cảng Cần Thơ (Bên phải)	17.800
5.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Truyền Thanh	22.300
		Đường Nguyễn Truyền Thanh	Cầu Ngã Tư	12.500
		Cầu Ngã Tư	Cầu Rạch Chanh	6.200
5.3	Đường Lạc Long Quân (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	17.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
5.4	Đường Nguyễn Chánh Tâm (Đường số 6, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Kinh Dương Vương	8.700
5.5	Đường Kinh Dương Vương	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 25, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	14.800
5.6	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 7, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	14.800
5.7	Đường Đỗ Trọng Văn (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Hết trục Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	14.800
5.8	Đường Đặng Văn Dầy (Trục Đường số 1, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	14.800
5.9	Đường Đinh Công Trứ (Trục Đường số 29, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 20, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	14.800
5.10	Đường Trần Nhật Duật (Đường số 36, 37, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Trục Đường số 15, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	14.800
5.11	Đường Huỳnh Phan Hộ (Phía bên trái hướng Đường Lê Hồng Phong vào)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	9.800
5.12	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bùi Hữu Nghĩa	12.900
5.13	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Cái Khế	Cầu Bà Bộ	20.000
		Cầu Bình Thủy 2	Cầu Rạch Chanh	14.800
5.14	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Đệ, Hẻm 86 Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Bình Thủy	28.400
5.15	Đường Lê Phước Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cổng Rạch Sao (Giáp phường Long Tuyền)	12.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
5.16	Đường Đồng Ngọc Sứ	Đường Trần Quang Diệu	Ngã ba	12.000
		Ngã ba	Đường Phạm Hữu Lầu	6.000
5.17	Đường Đồng Văn Cống	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Quang Diệu	12.900
5.18	Đường Lê Quang Chiêu	Đường Lê Văn Sô	Đường Nguyễn Thông	5.100
5.19	Đường Lê Văn Bì	Đường Lê Văn Sô	Đường Lê Phước Thọ	5.100
5.20	Đường Lê Văn Sô	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	6.000
5.21	Đường Nguyễn Đệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	26.300
5.22	Đường Nguyễn Thông	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	10.000
5.23	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	10.000
5.24	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Trần Quang Diệu	Đường Đồng Văn Cống	5.100
5.25	Đường Phạm Ngọc Hưng	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Võ Văn Kiệt	6.000
5.26	Đường Thái Thị Nhạn	Suốt tuyến		4.000
5.27	Đường Trần Quang Diệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Ván	17.200
		Cầu Ván	Chợ Ngã Tư	7.600
		Chợ Ngã Tư	Cầu Bình Thủy	5.100
5.28	Đường Trần Văn Nghiêm	Đường Trần Quang Diệu	Cuối hẻm 172, Đường Trần Quang Diệu	5.100
5.29	Đường Đặng Thị Nhường	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	5.100
5.30	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	9.100
5.31	Đường Nguyễn Thị Tính	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	6.000
5.32	Khu tập thể Cầu Đường 675	Cả khu		6.000
5.33	Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301), dự án chủ đầu tư Ngân Thuận (Trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục chính		14.800
		Trục phụ		8.700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
5.34	Khu tái định cư công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy	Đường trục chính trên 10 mét		16.200
		Đường trục phụ dưới 10 mét		14.500
5.35	Khu dân cư Công ty Cổ phần Xây lắp PTKD nhà đầu tư	Đường nội bộ toàn khu		6.000
5.36	Khu dân cư An Thới	Trục chính		8.000
		Trục phụ		6.000
5.37	Khu tái định cư Hẻm 115, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cả khu		4.000
5.38	Khu tái định cư Bành Văn Khuê, Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		4.000
5.39	Hẻm 180, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		6.000
5.40	Hẻm 412, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết đoạn trải nhựa	5.100
5.41	Hẻm 512, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Khu dân cư An Thới	8.000
6	Phường Long Tuyền			
6.1	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Rạch Bà Bộ	Giáp ranh phường Thới An Đông	8.200
6.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Cầu Rạch Chanh	Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	4.600
		Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	Hết ranh phường Long Tuyền	3.800
6.3	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu Bà Bộ	Cầu Bình Thủy 2	15.000
		Cầu Rạch Chanh	Hết ranh phường Long Tuyền	11.500
6.4	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Võ Văn Kiệt	Rạch Chanh	11.300
6.5	Đường Đinh Công Chánh	Chợ Phó Thọ	Đường Võ Văn Kiệt	5.100
		Đường Võ Văn Kiệt	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	3.830
6.6	Đường Lê Phước Thọ	Cống Rạch Sao	Đường tỉnh 918 (Bờ kè rạch Cái Sơn - Hàng Bàng)	11.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
6.7	Đường Xuân Hồng (Đường số 1 - Khu tái định cư phường Long Tuyền và Đường số 36 - Khu đô thị hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ)	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường số 5 - Khu đô thị mới hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ	6.400
6.8	Khu dân cư P2 (Đối diện chợ Bà Bộ)	Cả khu		4.000
6.9	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng	Cả khu		4.600
6.10	Khu tái định cư Bình Nhựt (12,8 ha)	Trục chính		6.900
		Trục phụ		4.600
6.11	Khu tái định cư phường Long Tuyền	Cả khu		5.900
6.12	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục chính trên 10 mét		16.200
		Đường trục phụ dưới 10 mét		14.000
6.13	Khu đô thị tái định cư Cừu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	Trục chính		11.300
		Trục phụ		7.100
6.14	Đường Nguyễn Thanh Sơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Võ Văn Kiệt	4.000
6.15	Đường Nguyễn Thị Tạo	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đường Võ Văn Kiệt	5.100
6.16	Đường Nguyễn Văn Trường	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Hết ranh phường Long Tuyền	5.500
6.17	Đường Tạ Thị Phi	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	4.000
6.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu tái định cư phường Long Tuyền	5.100
6.19	Đường Rạch Chanh	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Rạch Bà Cầu	4.000
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hồ Trung Thành	2.900
6.20	Bờ kè Rạch Cam	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết đoạn bờ kè	7.800
6.21	Đường vào Làng hoa kiểng Bà Bộ	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Ranh Khu đô thị tái định cư Cừu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	5.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
6.22	Đường Trường Tiền - Bông Vang	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết ranh phường Long Tuyền	3.100
6.23	Đường Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất)	Cầu Cái Sơn 2 (Phường Long Tuyền)	Hết ranh phường Long Tuyền	12.000
6.24	Đường Kè Cái Sơn - Mương Khai	Đường Lê Phước Thọ	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	11.200
6.25	Đường Rạch Hàng Bàng	Cầu Bà Bộ (Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh))	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	4.000
7	Phường Thới An Đông			
7.1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cầu Trà Nóc	17.800
		Cầu Trà Nóc	Cầu Sang Trắng 1	12.000
7.2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Rạch Gừa	4.900
		Cầu Rạch Gừa	Cầu Trà Nóc 2	3.000
		Cầu Trà Nóc 2	Quốc lộ 91B	3.900
7.3	Đường Hồ Trung Thành (Đường Công Bình)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ - Rạch Chanh	7.900
7.4	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên phải)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	9.800
7.5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Xẻo Mây	5.800
7.6	Đường kè chống sạt lở sông Trà Nóc	Cầu Xẻo Mây	Rạch Chùa	4.500
7.7	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	13.900
7.8	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Hồng Phong	Rạch Xẻo Mây - Lê Thị Hồng Gấm	4.900
		Rạch Xẻo Mây	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	3.000
		Ngã ba Trạm y tế phường Thới An Đông	Hết ranh Trạm Y tế phường Thới An Đông	2.800
7.9	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Giáp ranh phường Long Tuyền	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu Giáo Dẫn)	18.500
7.10	Đường Phạm Thị Ban (Tuyến Ngã Ba - ông Tư Lợi, phường Thới An Đông)	Cầu Trà Nóc 2 (Đường Nguyễn Chí Thanh)	Cầu Giáo Dẫn (Quốc lộ 91B)	3.900
7.11	Đường Trần Thị Mười	Quốc lộ 91B	Kênh Ông Tường	3.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
7.12	Khu dân cư vượt lũ phường Trà Nóc (cũ)	Cả khu		8.600
7.13	Khu tái định cư Vành Đai Sân bay	Đường Âu Cơ	Hết đoạn trải nhựa	10.200
7.14	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục phụ dưới 10 mét		14.000
7.15	Hẻm 19, Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		3.900
7.16	Hẻm 29, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	4.900
7.17	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	3.100
7.18	Hẻm 65, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	3.100
7.19	Hẻm liên tổ 2, 3, 4, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	3.100
7.20	Hẻm 71, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	3.900
7.21	Hẻm 3, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết đoạn trải nhựa (Nhà văn hóa khu vực 4)	3.900
7.22	Hẻm 129, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	3.100
7.23	Hẻm 40, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	3.100
7.24	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6, 7, 8)	Đường Lê Hồng Phong	Toàn khu	3.900
7.25	Đường vào Tổng Công ty phát điện 2, phường Trà Nóc (cũ)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cổng vào Tổng Công ty phát điện 2	3.000
7.26	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	3.000
7.27	Hẻm 32, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	3.900
7.28	Hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Đường Âu Cơ	3.100
7.29	Hẻm 72, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	3.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
7.30	Hẻm 149, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	3.100
7.31	Các nhánh hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	3.100
7.32	Hẻm 90, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	3.100
7.33	Hẻm 48, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Chanh	3.100
7.34	Hẻm 28, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	3.100
7.35	Hẻm 38, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Hết đoạn trải nhựa	3.900
7.36	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên trái)	Đường Phạm Thị Ban	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	3.000
7.37	Đường cặp Rạch Miễu Trắng	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Kênh Ông Tường	3.000
7.38	Hẻm 1, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	3.920
7.39	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 2)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	3.920
7.40	Hẻm 2, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	3.430
7.41	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6,7,8)	3.430
7.42	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	3.920
7.43	Đường vào chợ Trà Nóc	Khu vực chợ Trà Nóc	Rạch ông Táo	8.400
7.44	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	9.730
7.45	Hẻm 44, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	3.900
7.46	Hẻm 38, Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối hẻm	2.400
7.47	Hẻm 95, Đường Âu Cơ	Đường Âu Cơ	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	9.730
7.48	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên phải)	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	2.400
7.49	Đường bờ trái Rạch Xẻo Điều	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
7.50	Đường bờ trái Rạch Mương Khai	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Thị Mười	2.400
7.51	Đường cặp sông Trà Nóc	Rạch ông Bền	Giáp ranh phường Ô Môn	2.400
7.52	Đường vào chợ Ngã Tư	Cầu Thới Ninh	Kinh ông Huyện	2.400
8	Phường Cái Răng			
8.1	Quốc lộ 1	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	Cầu Số 10 (Giáp ranh xã Thạnh Xuân)	9.100
8.2	Quốc lộ 61C	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	4.300
		Sông Ba Láng	Giáp ranh xã Nhơn Ái	2.300
8.3	Đường Phạm Hùng (Quốc lộ 1)	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Trãi	11.600
		Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	11.600
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	15.000
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	12.100
		Đường Hàng Gòn	Nút giao IC4	10.700
8.4	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Giáp ranh phường Hưng Phú	Cầu Cái Da	5.600
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	4.300
8.5	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	Quốc lộ 1	Hết ranh Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	4.900
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	Giáp ranh Trường học và các đường Khu Thương mại Cái Chanh	5.500
8.6	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	9.500
		Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	Giáp ranh phường Hưng Phú	11.700
8.7	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	19.500
8.8	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	19.500
8.9	Đường Hàm Nghi	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	19.500
8.10	Đường Hàng Gòn	Đường Phạm Hùng	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	4.300
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	3.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
8.11	Đường Hàng Xoài	Đường Phạm Hùng	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	3.300
8.12	Đường Lê Bình	Đường Phạm Hùng	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	12.900
8.13	Đường Lê Hồng Nhi	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	4.900
		Đường Nhật Tảo	Chùa Ông Một	4.300
8.14	Đường Lê Tấn Quốc (Đường số 29, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường số 15, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8	9.800
8.15	Đường Lê Thái Tổ	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Trãi	19.500
8.16	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	19.500
		Cầu Cái Răng	Đại Chung Viện	8.600
8.17	Đường Ngô Quyền	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	19.500
8.18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Hùng	12.900
8.19	Đường Nguyễn Trãi nói dài	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	5.500
		Đường Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	3.300
8.20	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 7B, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	11.700
8.21	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Tánh	8.600
8.22	Đường Nhật Tảo	Đường Võ Tánh	Đường Lê Hồng Nhi (Đường Trường Chính trị)	4.300
8.23	Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Cái Răng Bé	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	8.600
		Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Nước Vắn	8.600
8.24	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	17.200
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	10.700
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	8.600
8.25	Đường Huỳnh Thị Nở	Đường Vành Đai phía Tây	Đường Nguyễn Thị Trâm	2.700
		Đường Nguyễn Thị Trâm	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	3.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
8.26	Đường Trung Nữ Vương	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	19.500
8.27	Đường Võ Tánh	Đường Phạm Hùng	Hết ranh Đại Chung Viện	10.700
		Giáp ranh Đại Chung Viện	Đường Nguyễn Việt Dũng	8.600
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	5.500
8.28	Đường Vũ Đình Liệu (Đường số 10, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	11.700
8.29	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ nằm trong giới hạn từ sông Cần Thơ đến ranh phường Hưng Phú (Trừ các tuyến đã đặt tên trong Bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		11.700
		Trục đường chính đường B		9.800
8.30	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Bộ chỉ huy Quân sự thành phố (Đường số 6)	10.000
8.31	Đường Nguyễn Văn Lư	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Đường Lê Trọng Tấn (Dự án TTVH Tây Đô)	12.000
8.32	Khu dân cư Thanh Mỹ	Trục chính		3.900
		Trục phụ		2.900
8.33	Khu dân cư Hoàng Quân - An Phú - Thanh Mỹ A	Trục chính		7.600
		Trục phụ		6.400
8.34	Dự án Chinh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ	Cả khu		4.300
8.35	Khu Nhà ở phường Thường Thạnh - An Phú Eco City	Cả khu		4.800
8.36	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (Phường Ba Láng cũ)	Cả khu		3.300
8.37	Khu tập thể số 9 (Ba Láng cũ)	Cả khu		9.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
8.38	Khu dân cư Quân đội (Yên Hạ A)	Cả khu		4.400
8.39	Khu tái định cư Thường Thạnh (Kế Nhà tạm giữ)	Cả khu		3.800
8.40	Đường Trương Vĩnh Nguyên (Lê Bình - Thường Thạnh)	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	4.900
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Ngã Bát	3.900
8.41	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	3.300
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Hết ranh Trường THCS Thường Thạnh	2.300
8.42	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ngã ba Vàm Nước Vặn	Giáp ranh phường Hưng Phú	2.300
8.43	Lộ Chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	4.300
		Bến đò số 10	Đường Lê Hồng Nhi	2.700
8.44	Đường Đình Nước Vặn	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Nước Vặn	4.300
8.45	Đường Nguyễn Thị Trâm (Lộ mới 10 mét)	Quốc lộ 1	Đường Trần Hưng Đạo	4.300
8.46	Đường Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Lộ Chợ số 10	5.500
8.47	Đường cặp sông Cái Răng Bé	Đình Nước Vặn	Hết cầu Mù U	1.800
8.48	Tuyến Lộ Hậu Tân Thạnh Tây (Toàn tuyến)	Đường cặp Rạch Cái Đồi	Đường cặp Rạch Bàng	1.800
9	Phường Hưng Phú			
9.1	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Cần Thơ	Nút giao thông IC3	5.900
9.2	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Nút giao thông IC3	8.800
		Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu Cái Cui	11.700
9.3	Đường Quang Trung	Cầu Quang Trung	Nút giao thông IC3	9.000
9.4	Đường Cái Cui	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cảng Cái Cui	2.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.5	Đường số 1A	Đường Võ Nguyên Giáp	Sông Hậu	2.200
9.6	Đường Chí Sinh (Lộ Hậu Tân Phú)	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Ba Dầu	2.300
		Cầu Ba Dầu	Lộ Rạch Cây Tràm	2.100
9.7	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Chí Sinh	Đường Trương Vĩnh Nguyên	3.500
9.8	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Ngã Bát	Rạch Cái Tắc	3.900
9.9	Đường Bùi Quang Trinh (Đường số 8, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15 (Khu dân cư 586)	11.700
9.10	Đường Cao Minh Lộc (Đường số 10, Khu dân cư 586)	Đường số 46 (Khu dân cư 586)	Đường số 61 (Khu dân cư 586)	9.800
9.11	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường B7 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1	9.800
9.12	Đường Hoàng Văn Thái (Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Lý Thái Tổ	Đường dân sinh cặp Đường dẫn cầu Cần Thơ	11.700
9.13	Đường Lâm Văn Phận (Đường số 9, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Nhựt Tảo	9.800
9.14	Đường Lê Nhựt Tảo (Đường số 14, Khu dân cư 586)	Đường số 1 (Khu dân cư 586)	Đường số 9 (Khu dân cư 586)	11.700
9.15	Đường Lê Văn Tường (Đường số 47 - Khu dân cư Phú An)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 12 - Khu dân cư Phú An	11.700
9.16	Đường Lý Thái Tổ (Đường A1 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A10 - Khu dân cư Hưng Phú 1	11.700
9.17	Đường Nguyễn Thái Sơn (Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường dẫn Cầu Cần Thơ	Đường A6	9.800
9.18	Đường Đoàn Văn Chia (Đường B3-Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường B18	Đường A9	9.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.19	Đường Nguyễn Hùng Minh (Đường B26 - Khu tái định cư Hưng Phú)	Đường A12	Đường A15	7.500
9.20	Đường Mai Chí Thọ (Đường số 1, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	11.700
9.21	Đường Nguyễn Chánh (Đường số 12 - Khu dân cư Phú An)	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Thị Sáu	11.700
9.22	Đường Nguyễn Ngọc Bích (Đường B6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường B20 - Khu dân cư Hưng Phú 1	9.800
9.23	Đường Nguyễn Thị Sáu (Đường số 6, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15, Khu dân cư 586	11.700
9.24	Đường Phạm Văn Nhờ (Đường số 9A, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	9.800
9.25	Đường Phan Trọng Tuệ (Đường số 1, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	11.700
9.26	Đường Trần Văn Sắc (Đường số 1, Khu dân cư Nông Thổ Sản)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	9.800
9.27	Đường Trần Văn Trà (Đường A3 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1	11.700
9.28	Đường Trần Văn Việt (Đường số 7 - Khu dân cư Công an)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 5 - Khu dân cư Công an	9.800
9.29	Khu tái định cư phường Hưng Phú (Lô số 3B)	Cả khu		7.500
9.30	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		7.500
9.31	Khu Novaland Group	Cả khu		9.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.32	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ sông Cần Thơ đến Đường 2 Tháng 9, giáp ranh phường Cái Răng (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		11.700
		Trục đường chính đường B		9.800
9.33	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ Ranh phường Cái Răng đến ranh xã Châu Thành (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		10.500
		Trục đường chính đường B		9.600
9.34	Lộ cặp sông Bùng Binh	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1.800
9.35	Lộ cặp sông Bến Bạ	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1.800
9.36	Lộ cặp sông Cái Cui	Sông Hậu	BCH Quân sự phường	1.600
9.37	Đường liên khu vực Phú Thuận - Phú Thành	Cầu Ba Dầu	Sông Cái Cui	1.600
9.38	Tuyến lộ Rạch Cây Tràm	Sông Bến Bạ	Sông Cái Cui	1.600
9.39	Tuyến lộ cặp sông Cần Thơ	Cầu Hưng Lợi	Miếu Bà	1.600
9.40	Tuyến lộ cặp sông Hậu	Miếu Bà	Quảng trường 586	1.600
9.41	Tuyến Đường Kênh Thạnh Đông (Nối Mù U - Bến Bạ)	Rạch Mù U	Sông Bến Bạ	2.300
9.42	Tuyến hai bên Rạch Ngã Bát	Cầu Ngã Bát	Kênh Thạnh Đông	1.600
9.43	Tuyến hai bên Rạch Xẻo Lá	Cầu Xẻo Lá	Kênh Thạnh Đông	1.600
9.44	Tuyến Rạch Mật Cật	Cầu Mật Cật tại Rạch Xẻo Lá	Ngã tư Rạch (Mật Cật - Đường Gõ - Lồng Ống - Hàng Bần)	1.600
9.45	Tuyến hai bên Rạch Hàng Bần	Cầu Hàng Bần	Rạch Xẻo Gừa	1.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.46	Tuyến Đường Rạch Đường Gõ	Kênh Thạnh Đông	Đường Nguyễn Văn Quy	1.600
9.47	Tuyến Rạch Cái Đôi	Cầu Cái Đôi	Đường Mai Chí Thọ	1.600
9.48	Tuyến Rạch Lòng Óng	Ngã tư Rạch (Mật Cật - Đường Gõ - Lòng Óng - Hàng Bần)	Rạch Giồng Ôi	1.600
9.49	Tuyến Rạch Xẻo Gừa	Cầu Ngã Bát	Ngã ba Phú Trung	1.600
9.50	Tuyến Rạch Cái Tắc	Ngã ba Phú Trung	Ngã ba Bùng Binh	1.600
9.51	Rạch Giồng Ôi	Cầu Giồng Ôi	Kênh Thạnh Đông	1.600
9.52	Lộ Quận (Lò Mỏ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Rạch Cái Tắc	2.300
9.53	Đường dẫn Cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Nguyên Giáp	Rạch Ngã Bát	2.300
10	Phường Ô Môn			
10.1	Quốc lộ 91	Cầu Ô Môn	Giáp ranh phường Thới Long	3.700
		Giáp ranh phường Phước Thới	Cầu Tắc Ông Thục	3.500
		Cầu Tắc Ông Thục	Cầu Ông Thành	3.300
10.2	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Ông Thành	Cầu Ô Môn (Bên phải)	13.700
			Cầu Ô Môn (Bên trái)	9.600
10.3	Đường tỉnh 922	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên phải)	8.000
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên trái)	5.320
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên trái)	4.900
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	4.480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
10.4	Đường Trần Kiệt Tường (Đường tỉnh 920B)	Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên phải)	3.400
		Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên trái)	2.800
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên phải)	3.200
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên trái)	2.800
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên phải)	4.300
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên trái)	2.600
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên phải)	4.100
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên trái)	2.600
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đầu (Bên phải)	2.800
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đầu (Bên trái)	1.800
10.5	Đường Bến Bạch Đằng	Đầu vòm Tắc Ông Thục	Hết dãy phố 06 căn	21.600
10.6	Đường Bến Bạch Đằng nối dài	Cầu Ô Môn	Giáp dãy phố 06 căn	8.100
10.7	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toàn	Cổng Bệnh viện Ô Môn	15.100
10.8	Đường Châu Văn Liêm	Quốc lộ 91	Đường Cách Mạng Tháng Tám	17.200
10.9	Đường Đắc Nhân (Đường vào Trường Dân tộc Nội trú)	Đường Tôn Đức Thắng	Rạch Sáu Thước	3.400
10.10	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	20.000
10.11	Đường 26 Tháng 3	Quốc lộ 91	Đường Kim Đồng	33.300
10.12	Đường 3 Tháng 2	Đường Kim Đồng	Đường Huỳnh Thị Giang	13.900
10.13	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Bệnh viện Ô Môn	11.800
10.14	Đường Huỳnh Thị Giang	Đường Châu Văn Liêm	Đường 26 Tháng 3	15.100
10.15	Đường Kim Đồng	Đường 26 Tháng 3	Rạch Cây Me	17.200
10.16	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	16.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
10.17	Đường Lê Văn Tám	Đường 26 Tháng 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám	15.000
10.18	Đường Lưu Hữu Phước	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	17.200
10.19	Đường Lý Thường Kiệt	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	9.000
10.20	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	21.500
10.21	Đường Nguyễn Du	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Nguyễn Trãi	14.000
10.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	12.000
10.23	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 26 Tháng 3	Chợ Ô Môn	20.200
10.24	Đường Phan Đình Phùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	14.000
10.25	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Cầu Huyện đội	30.000
10.26	Đường Trần Nguyên Hãn	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	9.600
10.27	Đường Trần Quốc Toản	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	17.000
10.28	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	5.100
		Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	Hết Thánh Thất Cao Đài	3.000
10.29	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Huyện đội	Trường Lương Định Của	9.600
		Trường Lương Định Của	Cổng chào	6.500
10.30	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Cây Me	10.800
		Cầu Cây Me	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	7.500
10.31	Đường nội bộ Khu Dân tộc Nội trú (Trừ tuyến đường đã đặt tên)	Toàn bộ các tuyến đường		3.400
10.32	Đường Bến Hoa Viên	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	4.500
		Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	Cầu đúc vào Chùa Long Châu	3.400
10.33	Chợ Thới An	Hẻm nhà Thương	Đình Thới An	6.000
10.34	Đường vào Trung tâm Y tế dự phòng	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh đất Cơ quan Quản lý thị trường	3.400
10.35	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Giáp ranh phường Thới Long	3.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
10.36	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long (Bên trái)	Quốc lộ 91 (cũ)	Giáp ranh xã Trường Thành	2.600
10.37	Khu phố Thương mại Thịnh Vượng	Trục số 1 tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo		9.000
		Các trục đường còn lại		7.000
10.38	Khu tái định cư Đường tỉnh 920B	Cả khu		4.300
10.39	Khu tái định cư Trung tâm văn hóa quận Ô Môn (cũ)	Cả khu		5.300
10.40	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	Cả khu		7.900
10.41	Khu tái định cư sau Trường Dân tộc Nội trú quận Ô Môn (Do Công ty TNHH MTV Xây dựng Sao Vàng Tây Đô làm chủ đầu tư)	Cả khu		4.600
11	Phường Phước Thới			
11.1	Đường tỉnh 922	Cầu Bà Cai	Cầu Mương Huyện	4.800
11.2	Khu dân cư phường Phước Thới	Cả khu		2.500
11.3	Khu tái định cư và nhà ở công nhân Khu công nghiệp Trà Nóc II	Cả khu		3.600
11.4	Khu dân cư Công đoàn Giáo Viên	Cả khu		3.000
11.5	Chợ Phước Thới	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Chùa (Trừ hành lang đường sông)	7.600
11.6	Đường Đặng Thanh Sử (Đường số 2, Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn	2.000
11.7	Đường tỉnh 920B	Rạch Cái Chôm	Đường Đặng Thanh Sử	4.000
11.8	Hai bên Chợ Ba Se	Sông Tắc Ông Thục	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	6.000
11.9	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Giáo Dẫn	2.400
		Cầu Giáo Dẫn	Giáp ranh xã Phong Điền	2.400
11.10	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đoạn thuộc phường Phước Thới		3.100
11.11	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Sang Trắng I	Nút giao Quốc lộ 91B	6.900
		Nút giao Quốc lộ 91B	Chợ bến đò Đu Đủ	5.500
		Chợ bến đò Đu Đủ	Giáp ranh phường Ô Môn (Trạm thu phí)	3.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
11.12	Đường Trương Văn Diễn (Đường tỉnh 920C)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy xi măng Tây Đô	4.300
12	Phường Thới Long			
12.1	Khu dân cư Thương mại Bằng Tăng	Quốc lộ 91 trở vào		8.600
12.2	Lộ chùa	Đường Thái Thị Hạnh	Cầu Dì Tho	1.800
12.3	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Cầu Bánh Tét (Bên phải)	2.200
		Giáp ranh phường Ô Môn	Đường Trần Ngọc Hoằng (Bên trái)	1.600
		Đường Trần Ngọc Hoằng	Cầu Bánh Tét (Bên trái)	2.200
		Cầu Bánh Tét	Cầu Thơm Rom	3.300
		Cầu Thơm Rom	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên trái)	2.200
		Cầu Thơm Rom	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên phải)	2.310
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Sung	6.500
		Cầu Rạch Sung	Kênh Thủy lợi Lò Gạch	2.200
12.4	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Quốc lộ 91	2.200
12.5	Chợ Thới Long	Rạch Bà Kiểu	Rạch Ông Hiền	2.986
12.6	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cũ Long	Quốc lộ 91	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1.500
13	Phường Trung Nhứt			
13.1	Đường tỉnh 921	Cầu Trà Bay	Cầu Rạch Rích	4.300
		Cầu Rạch Rích	Cầu Ông Tùng	3.000
		Cầu Ông Tùng	Cầu Mương Trâu	5.500
		Cầu Mương Trâu	Cầu Xẻo Cách	3.000
		Cầu Xẻo Cách	Cầu Xẻo Chàm	5.000
		Cầu Xẻo Chàm	Giáp ranh xã Trung Hưng (Rạch Xẻo Xây Lớn)	3.000
13.2	Đường Sĩ Công (Bên trái)	Đường tỉnh 921	Đường tỉnh 921E	2.000
		Đường tỉnh 921E	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
13.3	Đường số 14 vào Trường THCS Trung An	Đường tỉnh 921	Trường THCS Trung An	3.000
13.4	Khu dân cư Chợ Phúc Lộc 1	Cả khu		1.800
13.5	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trảng Thọ	4.500
13.6	Đường tỉnh 921E	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Rạch Mương Chuối	2.000
		Rạch Mương Chuối	Giáp ranh xã Trung Hưng	1.500
13.7	Đường Trà Bay	Cầu Trà Bay	Cầu Trảng Thọ	1.200
14	Phường Thuận Hưng			
14.1	Đường Lê Thị Tạo	Quốc lộ 91	Cầu 3 Tháng 2	6.400
14.2	Đường Lộ mới (Cấp Kênh Thốt Nốt)	Cầu Thốt Nốt	Kho Mai Anh	5.100
14.3	Đường Lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	3.100
14.4	Đường Lộ Rẫy	Quốc lộ 91	Sông Hậu	3.100
14.5	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	6.000
14.6	Đường Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	5.100
14.7	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên phải)	2.300
		Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên trái kênh lộ)	2.100
		Đường Mai Văn Bộ	Cầu Cần Thơ Bé	2.900
		Cầu Cần Thơ Bé	Cầu Cái Ngãi	2.300
		Cầu Cần Thơ Bé	Tịnh Thất Thường Tịnh (Kênh lộ)	2.100
		Cầu Ngãi	Lộ Cai Tư	4.300
		Lộ Cai Tư	Lộ Sân Banh	6.500
		Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	16.200
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	18.500
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (Ngang lộ Ông Ba)		2.700
		Cầu Cái Ngãi	Giáp ranh phường Thới Long	1.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
14.8	Đường Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Giáp ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	2.100
		Hết ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	Sông Hậu	2.000
14.9	Đường Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	2.300
		Cầu Thủy Lợi	Giáp ranh xã Trung Hưng	2.000
14.10	Khu dân cư phường Thuận Hưng (phường Trung Kiên cũ)	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		2.400
		Quốc lộ 91 - Bến đò Tân Lộc (Đường bến đò Trung Kiên - Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1		2.400
14.11	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Thuận Hưng cũ)	Cả khu		2.300
14.12	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Trung Kiên cũ)	Cả khu		2.300
14.13	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư quận Thốt Nốt cũ)	Cả khu (Khu 1)		2.300
14.14	Các Khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1			2.200
14.15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé	Từ cầu vào 157 mét		3.100
14.16	Trung tâm chợ Thuận Hưng (Trung tâm Chợ Thuận Hưng cũ)	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200 mét)		3.100
14.17	Tuyến đường khu vực Phụng Thạnh 2	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	2.200
14.18	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt 2	2.400
14.19	Ven Sông Hậu (Tính thâm hậu 50m)	Gáp ranh phường Thới Long	Vàm Cai Tur	2.100
		Vàm Cai Tur	Lộ Sân Banh	2.300
		Lộ Sân Banh	Vàm Kênh Thốt Nốt (Góc Kênh Thốt Nốt tiếp giáp Sông Hậu)	4.000
14.20	Ven Kênh Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	2.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
15	Phường Thốt Nốt			
15.1	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Đường Sur Vạn Hạnh	27.700
		Đường Sur Vạn Hạnh	Đường tái định cư Mũi Tàu	13.900
		Đường tái định cư Mũi Tàu	Rạch Cái Sơn	9.200
		Rạch Cái Sơn	Cầu Trà Uôi	4.300
		Cầu Trà Uôi	Đường Thới Thuận - Thanh Lộc	3.300
		Đường Thới Thuận - Thanh Lộc	Cầu Bò Ót	7.600
		Cầu Bò Ót	Đường vào Công ty Vạn Lợi	7.600
		Đường vào Công ty Vạn Lợi	Cổng Rạch Rập	3.809
		Cổng Rạch Rập	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Cái Sắn)	5.500
15.2	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Trảng Thọ	Đường Nguyễn Thị Lưu	3.100
		Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91 (Khu vực Thới An 1)	3.600
15.3	Đường cặp Quốc lộ 80	Trung tâm Ngã ba Lộ Tẻ	Cầu Ngã ba Đình	5.100
		Cầu Ngã ba Đình	Cầu số 1 (Hết ranh phường Thốt Nốt)	3.100
15.4	Tuyến đường nối Quốc lộ 80 đến tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	2.400
15.5	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Trà Bay)	8.000
15.6	Đường Bờ Kè	Cầu Thốt Nốt	Sông Hậu	27.700
15.7	Đường Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	27.700
15.8	Đường Lê Lợi	Quốc lộ 91	Sông Hậu	27.700
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	23.100
15.9	Đường Hòa Bình	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	27.700
15.10	Đường Tự Do	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	27.700
15.11	Đường Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	27.700
15.12	Đường Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	21.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
15.13	Đường Nguyễn Văn Kim	Đường Lê Lợi	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	8.000
15.14	Đường Trung Nữ Vương	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	8.000
15.15	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	15.000
15.16	Đường Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	10.000
15.17	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	Đường Nguyễn Văn Kim	Hết ranh Trường Mầm non Thốt Nốt	5.100
15.18	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	21.500
15.19	Đường Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc Khu Trung tâm dân cư Thương mại Thốt Nốt		27.700
15.20	Đường Huỳnh Năng Nhiều	Quốc lộ 91	Cổng Trường Tiểu học Thốt Nốt 1	12.000
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	14.000
15.21	Đường Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	17.200
15.22	Đường Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu (Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh)	8.000
15.23	Đường Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	10.000
15.24	Đường Vàm Rạch Chùa (Cấp Trường Trung học Cơ sở Thốt Nốt)	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	10.000
15.25	Đường Lê Thị Tạo	Cầu 3 Tháng 2	Đường Phan Đình Giót	27.700
		Đường Phan Đình Giót	Mũi Tàu	20.800
15.26	Đường Kênh Rạch Nhà thờ	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	6.000
15.27	Đường vào Trụ sở Công an phường	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	4.200
15.28	Hai bên Đường tái định cư Mũi Tàu	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	5.100
15.29	Đường Thanh Niên	Quốc lộ 91	Cầu Thanh Niên	3.100
15.30	Đường Thanh Niên nối dài	Cầu Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	2.600
15.31	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Quốc lộ 91	Đường Thanh Niên	8.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
15.32	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài (Khu Hoàng Gia)	Đường Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	8.000
15.33	Khu tái định cư Long Thạnh 2	Đường Nguyễn Tuân (Đường số 2)		6.000
		Đường Trịnh Hoài Đức (Đường số 3)		5.800
		Đường Lương Thế Vinh (Đường số 6)		4.800
		Đường Võ Duy Dương (Đường số 7)		5.400
		Đường số 8		6.000
		Đường Sông Hành (Đường số 10)		4.654
		Các đường còn lại		4.620
15.34	Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91	Rạch Mương Miếu	2.100
15.35	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Rây	2.400
		Cầu Rạch Rây	Hết ranh phường Thốt Nốt	2.100
15.36	Khu dân cư phường Thuận An (cũ)	Cả khu		2.400
15.37	Khu dân cư Chợ Bò Ót và phần mở rộng	Cả khu		6.000
15.38	Khu tái định cư phường Thới Thuận (cũ), giai đoạn 2	Cả khu		5.100
15.39	Khu dân cư Chợ Gạo	Cả khu		3.100
15.40	Tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Cầu Vàm Cống	Hết ranh phường Thốt Nốt	2.400
15.41	Ven sông Hậu	Vàm Cái Sắn	Vàm lò gạch Mũi Tàu	3.600
		Vàm lò gạch Mũi Tàu	Sông Thốt Nốt	4.000
15.42	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Chùa	5.700
		Cầu Chùa	Rạch Trà Bay	5.100
15.43	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	3.100
		Cầu Cái Sắn	Cầu Ngã ba đình	3.100
16	Phường Tân Lộc			
16.1	Hương Lộ Tân Lộc	Điểm đầu Hương Lộ (Bến đò Long Châu)	Điểm cuối Hương Lộ (Cầu Ông Nghị)	2.200
16.2	Khu dân cư Phước Lộc - Lai Vung	Cả khu		2.200
16.3	Tuyến đường giao thông (Trái tuyến)	Cầu Ông Nghị	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	1.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
16.4	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Vườn sinh thái Tân Lộc (KV Tân Mỹ 2)	1.800
16.5	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Bến đò Tắc Cây Bàng	1.800
17	Phường Phú Lợi			
17.1	Đường Hai Bà Trưng	Suốt tuyến		50.000
17.2	Đường Đồng Khởi	Suốt tuyến		40.000
	Hẻm 122	Suốt hẻm		6.000
17.3	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		40.000
17.4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Suốt tuyến		30.000
	Hẻm 33	Suốt hẻm		6.000
	Hẻm 45	Suốt hẻm		4.500
17.5	Đường Đào Duy Từ	Suốt tuyến		22.000
17.6	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	35.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	26.000
	Hẻm 36	Suốt hẻm		5.000
17.7	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	35.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	25.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	18.000
	Hẻm 124	Suốt hẻm		5.300
	Hẻm 118	Suốt hẻm		6.000
17.8	Đường Hàm Nghi	Suốt tuyến		35.000
17.9	Đường Hoàng Diệu	Suốt tuyến		40.000
17.10	Các hẻm vào khu vực Chợ Bàn Cờ Đường Hoàng Diệu	Suốt hẻm		9.000
17.11	Đường Nguyễn Hùng Phước	Suốt tuyến		35.500
17.12	Đường Ngô Quyền	Suốt tuyến		26.500
17.13	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		22.000
17.14	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suốt tuyến		17.000
	Hẻm 12	Suốt hẻm		3.700
	Hẻm 49	Suốt hẻm		3.000
17.15	Đường Trần Minh Phú	Suốt tuyến		26.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	18.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hai Bà Trưng	31.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	35.500
		Đường Nguyễn Du	Hết đất Chùa Đại Giác	22.000
		Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	8.500
	Hẻm 103 (P1)	Suốt hẻm		5.500
	Hẻm 155 (P1)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 79 (P1)	Suốt hẻm		5.000
17.17	Đường Nguyễn Du	Suốt tuyến		17.500
17.18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		10.500
	Hẻm 89, 113	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 129	Suốt hẻm		2.200
17.19	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Bộ Đội Biên Phòng	35.500
	Hẻm 93	Suốt hẻm		5.300
	Hẻm 83	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 98	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 76	Suốt hẻm		5.300
17.20	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	31.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	22.000
	Hẻm 58	Suốt hẻm		5.300
17.21	Đường Lý Thường Kiệt	Đầu Voi	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	11.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	30.000
		Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	11.000
		Đường Lê Duẩn	Chợ Sông Định	10.000
	Hẻm 176 (P1)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 168 (P1)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 306B, 730 (P4)	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 310 (P4)	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	Suốt hẻm		2.700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	Đường Phú Lợi	40.000
		Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	30.000
		Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	18.000
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 45, 51 (P3)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 357 (Đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 449 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 140	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 567	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	3.200
		Giáp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	Đường Vành Đai II (đoạn 2)	2.000
17.23	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Phú Tức	4.000
17.24	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	22.000
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	16.000
		Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	11.000
	Hẻm 90 (P3)	Suốt hẻm		3.700
	Hẻm 33 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 508 (P3)	Suốt hẻm		3.400
	Hẻm 604 (P3)	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 214, tờ bản đồ 60	3.400
	Hẻm 585 (P3)	Suốt hẻm		3.700
	Hẻm 462	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 655 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 639, 673	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 719	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1.600
		Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Đường 30 Tháng 4	1.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.25	Đường Phú Lợi	Suốt tuyến		40.000
	Hẻm 263, 244, 155, 333	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 73	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (Giáp đất bà Lâm Thị Mười)	3.700
	Hẻm 73/26	Suốt hẻm		3.100
	Hẻm 188	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 99	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 293	Suốt hẻm		3.600
17.26	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	27.000
		Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	22.000
		Đường 30 Tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	16.000
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	11.000
	Hẻm 24 (P3)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 546 (P4)	Suốt hẻm		4.900
17.27	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Maspero	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	6.000
17.28	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 1A cũ)	Cầu Kênh Xáng	Cổng Trắng	10.000
		Cổng Trắng	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	7.500
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	Suốt hẻm		3.400
	Hẻm 417, 448, 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882; 789, 901 (P2)	Suốt hẻm		1.800
	Hẻm 416 (P2)	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 437 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ 04 của ông Dương Văn Thâm	3.400
		Cả Khu dân cư 437		2.500
	Hẻm 792 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1.800
		Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1.800
17.29	Đường Trần Nhân Tông (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh Thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng	3.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.30	Đường 30 Tháng 4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	24.000
		Đường Nguyễn Du	Ngã tư Đường Lê Duẩn	15.000
		Ngã tư đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	6.000
	Hẻm 290 (P3)	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến hẻm 278, Đường Trương Công Định	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 496 (P3)	Suốt hẻm		3.100
	Hẻm 625	Suốt hẻm		1.300
17.31	Đường Hồ Minh Luân	Suốt tuyến		22.000
17.32	Đường Trần Phú	Suốt tuyến		11.000
17.33	Đường Trần Văn Sắc	Suốt tuyến		11.000
17.34	Đường Hồ Hoàng Kiếm	Suốt tuyến		11.000
17.35	Đường Quảng Trường Bạch Đằng	Suốt tuyến		13.000
17.36	Đường Trương Công Định	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	17.500
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Văn Kiệt	13.000
	Hẻm 9, 93 (P2)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 267, 278 (P2)	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 37 (P2)	Suốt hẻm		1.900
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 195 (P2)	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 109 nối dài (Cấp Chùa Hương Sơn)	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 167 (P2)	Suốt hẻm		2.000
17.37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Phú Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Biên Phòng	11.000
17.38	Đường Trần Bình Trọng	Suốt tuyến		9.500
	Hẻm 31, 59	Suốt hẻm		1.500
17.39	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	9.500
	Hẻm 25	Suốt hẻm		2.200
17.40	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	8.000
17.41	Đường Trương Văn Quới	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	9.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.42	Đường Nhật Lệ (Đường Nhánh Phú Lợi)	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	9.500
17.43	Đường Nguyễn Trãi	Suốt tuyến		26.000
17.44	Đường Bạch Đằng	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	6.000
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	3.500
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	Suốt hẻm		1.100
17.45	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Đồng Khởi	Ngã tư Đường Lê Duẩn	14.000
		Ngã tư Đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	11.000
	Hẻm 9, 45, 233 (P4)	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 119	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 33 (P4)	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 70 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 80 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 218 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 230 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 266 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	1.300
	Hẻm 456 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh 3 Tháng 2	1.300
	Hẻm 548 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	1.300
17.46	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn)	Cầu Mạc Đĩnh Chi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.300
17.47	Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	3.500
17.48	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	12.000
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150, Đường Phan Đình Phùng	9.000
17.49	Đường Vành Đai II (P3)	Đường Dương Minh Quan	Hết ranh đất Công ty Satraco	5.000
		Giáp ranh đất Công ty Satraco	Đường Văn Ngọc Chính	3.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.50	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên phải)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trương Công Định	4.500
	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên trái)	Suốt tuyến		4.500
17.51	Đường Mai Thanh Thế	Suốt tuyến		15.000
	Hẻm 1, 12	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 64, 76, 152	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế	Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 05	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05 (P9)	2.200
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế thông qua Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Mai Thanh Thế	Đường Mạc Đĩnh Chi	4.600
17.52	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	11.000
	Hẻm 65, 143, 181	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 83	Suốt hẻm		2.000
17.53	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	11.000
17.54	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 Tháng 4	9.500
17.55	Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		9.500
17.56	Đường Nguyễn Văn Thèm	Suốt tuyến		11.000
17.57	Đường Nguyễn Văn Hữu	Suốt tuyến		14.000
17.58	Đường Bùi Viện	Suốt tuyến		9.000
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1.500
17.59	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		14.000
	Hẻm 6	Suốt hẻm		3.700
17.60	Đường Lê Văn Tám	Suốt tuyến		5.000
	Hẻm 68	Suốt hẻm		900
	Hẻm 122	Suốt hẻm		900
17.61	Đường Châu Văn Tiếp	Suốt tuyến		11.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.62	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	17.000
		Đường Phú Lợi	Cầu Chữ Y	14.000
	Hẻm 160, 222	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 44	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa số 433, tờ bản đồ số 12	2.200
	Hẻm 175	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	4.000
	Hẻm 206	Đường Nguyễn Văn Linh	Hẻm 244, Đường Phú Lợi	2.000
	Hẻm 305	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (Thửa 226, tờ bản đồ số 44)	2.300
	Hẻm 367	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 468	Suốt hẻm		2.200
17.63	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16 mét	7.000
		Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2.200
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1.800
	Hẻm 197	Suốt hẻm		550
	Hẻm 75	Đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	900
	Hẻm 189 (P2)	Suốt hẻm		600
17.64	Đường Dương Minh Quan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	10.000
	Hẻm 243	Đường Dương Minh Quan	Giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 16	1.500
	Hẻm 175	Suốt hẻm		1.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.65	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75, tờ bản đồ 31)	Đường Vành Đai II	9.000
		Đường Vành Đai II	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	5.000
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 153 (Hẻm 135 cũ)	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 259, 295	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 237	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 217	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 185	Suốt hẻm		1.100
17.66	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	7.000
	Hẻm 122	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	1.300
		Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh Thủy lợi (Phường Mỹ Xuyên)	1.300
	Hẻm 179	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	1.100
	Hẻm 152, 194, 204	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 30, 74	Suốt hẻm		900
	Hẻm 157	Suốt hẻm		1.100
17.67	Đường Trần Văn Bảy	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	4.500
	Hẻm 99, 134	Suốt hẻm		900
	Hẻm 163	Suốt hẻm		900
17.68	Đường Phú Túc	Cổng Trắng (Đường Võ Văn Kiệt)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	2.500
17.69	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	9.000
17.70	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sương Nguyệt Anh	7.000
17.71	Đường Sương Nguyệt Anh	Đường Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1.800
		Đoạn còn lại (Lộ nhựa cấp kênh 8 mét - Phường 2 cũ)		1.300
17.72	Đường Triệu Quang Phục (Đường Cổng Trắng)	Đường Võ Văn Kiệt	Lộ nhựa Quân Khu IX	3.500
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.73	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa Tỉnh song song với Đường Lê Duẩn (Đường Kênh Nhân Lực)	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 Tháng 2	6.000
17.74	Đường cặp Kênh 3 Tháng 2 (P9)	Đường Kênh Nhân Lực	Đường Bạch Đằng	900
17.75	Đường Lê Đại Hành	Suốt tuyến		1.600
17.76	Đường Phan Văn Chiêu (Đường Kênh Quảng Khuôn cũ)	Đường Mạc Đình Chi	Đường 30 Tháng 4	1.900
17.77	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	3.000
17.78	Đường Lưu Khánh Đức (Lộ nhựa cặp Quân Khu IX cũ) P2	Suốt tuyến		3.000
17.79	Đường đất 2 bên kênh 16 mét (P2)	Suốt tuyến		1.300
17.80	Các tuyến thuộc dự án LIA 1 (P4)	Suốt tuyến		5.000
17.81	Đường nhánh các cơ quan tư pháp tuyến Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Phía dãy các cơ quan hiện hữu Đường N2 trong quy hoạch phân khu hướng Đông		1.800
17.82	Đường N3	Suốt tuyến		3.600
17.83	Đường D7	Suốt tuyến		3.600
17.84	Đường D2	Suốt tuyến		3.600
17.85	Khu tái định cư số 01			
	Đường N2	Suốt tuyến		9.100
	Các tuyến đường còn lại trong Khu tái định cư	Suốt tuyến		6.500
17.86	Lộ đá Khu dân cư Bình An	Suốt tuyến		7.000
17.87	Khu dân cư Hạnh Phúc	Cả khu		5.000
17.88	Khu dân cư của Hẻm 357 (Điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	Cả khu		4.500
17.89	Khu dân cư Sáng Quang (Phường 2 cũ)	Cả khu		7.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		10.000
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		16.000
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	6.000
		Đường số 9	Đường số 7	5.500
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		4.000
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		7.000
	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		7.000
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		9.000
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		7.000
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		6.000
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		7.000
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		6.000
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		12.000
18	Phường Sóc Trăng			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	31.000
	Hẻm 63	Suốt hẻm		4.500
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	40.000
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	5.000
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	5.000
	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	5.000
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	5.000
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	5.000
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	4.000
	Hẻm 129	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 135	Suốt hẻm		6.000
	Hẻm 159	Đường Hùng Vương	Rach Trà Men	4.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	8.000
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	7.000
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	2.000
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	31.000
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	4.000
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6.000
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	5.000
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	9.000
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	5.700
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	10.000
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toàn; Bên phải hết ranh hẻm 298	15.000
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toàn; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	10.000
	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.000
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1.800
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1.300
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	2.500
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.300
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 298	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1.600
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112	2.000
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	10.000
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	8.000
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	6.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	1.000
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	800
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	800
18.13	Đường Kênh Liêu Sơn	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	1.000
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	18.000
	Hẻm 81	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 95	Suốt hẻm		3.500
18.15	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	9.000
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1.300
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	1.000
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	10.000
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	10.000
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tùng	2.300
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	15.000
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	2.300
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	15.000
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	9.000
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1.300
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1.300
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	9.000
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	9.000
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	20.000
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	3.500
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tùng	3.000
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	9.000
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1.300
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1.300
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	9.000
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		10.000
18.27	Đường Lai Văn Tùng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	11.000
	Hẻm 2	Suốt hẻm		2.300
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2.000
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1.800
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	6.000
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1.800
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	6.000
		Đường Vành Đai I	Giáp Khu dân cư Minh Châu	3.000
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.200
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	2.500
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	2.000
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	5.500
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	4.500
		Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	2.500
	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	4.500
	Hẻm 8	Suốt hẻm		1.000
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toản	7.000
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	3.000
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	5.500
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		1.200
18.36	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	7.000
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		1.200
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	1.200
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	5.000
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	4.000
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	4.355
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1.300
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	900
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1.800
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1.500
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1.500
18.42	Đường Sóc Mồ Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.000
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.000
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	20.000
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	15.000
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	10.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	8.000
	Hẻm 87	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 163	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 189	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 196	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 222	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 250	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 283	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 368	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 580	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 49	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	3.000
	Hẻm 74	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	4.500
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	4.500
	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	4.000
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 382	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		1.200
18.46	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	11.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	9.000
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	7.000
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1.600
	Hẻm 54	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 112	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 126	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 158	Suốt hẻm		1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	4.200
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.500
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	2.500
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	3.000
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	1.200
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	6.000
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	1.100
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	3.000
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	900
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1.500
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	3.500
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	3.000
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.500
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	2.000
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	1.200
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	1.200
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	2.000
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1.500
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		10.000
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		7.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		6.000
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		8.000
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		6.000
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	10.000
		Đường A2	Đường A1	7.000
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	5.000
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		5.000
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		5.000
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		5.000
19	Phường Mỹ Xuyên			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	5.200
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cổng Sà Lôn	5.000
		Cổng Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	4.200
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	5.200
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	6.400
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	4.800
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1.600
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 1 (Thanh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1.500
	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1.700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
19.4	Đường tỉnh 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	900
19.5	Đường tỉnh 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1.700
19.6	Đường huyện 56	Ngã tư Phước Kiện	Giáp ranh xã Ngọc Tố	3.500
19.7	Đường Trần Hưng Đạo (Phường 10 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi	Nút giao Ngã ba Trà Tim	16.000
19.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Ngã ba Trà Tim	7.000
	Hẻm 962 (Phường Mỹ Xuyên)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1.500
19.9	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 934 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Trắng)	Ngã tư Phước Kiện	8.500
19.10	Đường Văn Ngọc Chính	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Tà Lách)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1.700
19.11	Đường An Dương Vương	Nút giao Ngã ba Trà Tim	Ngã tư Phước Kiện	4.500
19.12	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	2.800
19.13	Đường Trung Vương 1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	13.000
19.14	Đường Trung Vương 2	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	13.000
19.15	Đường Lê Lợi	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phan Đình Phùng	12.000
	Hẻm 1, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		2.200
19.16	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	11.500
19.17	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	9.000
19.18	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Phùng	8.500
19.19	Đường đi Tài Công	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn	1.700
19.20	Đường đê bao Phú Hữu	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1.800
19.21	Đường Triệu Nương	Ngã tư Phước Kiện	Đường Đoàn Minh Bảy	9.500
19.22	Đường Ngô Quyền	Cầu Bà Thủy	Cống thủy lợi	1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	
		Từ	Đến	VT1	
19.23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	2.700	
		Đoạn còn lại			1.500
19.24	Đường Trần Hưng Đạo (Thị trấn Mỹ Xuyên cũ)	Cầu Chà Và	Cổng gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	4.500	
		Cổng gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	Giáp ranh phường Phú Lợi	3.500	
19.25	Đường Phan Chu Trinh	Đường Ngô Quyền	Hết ranh Miếu Thành Hoàng (Miếu Ông Hồ)	1.300	
		Đoạn còn lại			900
19.26	Đường Phan Thanh Giản	Đường Triệu Nương	Hết tuyến	1.300	
19.27	Đường Văn Ngọc Tố	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	5.500	
19.28	Đường Đoàn Minh Bảy	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	5.500	
19.29	Đường Huỳnh Văn Chính	Đường tỉnh 934 (Dưới chân cầu Ông Diệp)	Đường vào cổng Bà Thủy	2.200	
		Đoạn còn lại			1.700
19.30	Đường Thầy Cùi	Đường Triệu Nương	Cầu Đình Thần	1.100	
19.31	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 5, Đường Triệu Nương	1.500	
19.32	Đường Hoàng Diệu	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thủy	11.000	
19.33	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	2.200	
		Đoạn còn lại			1.700
19.34	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Hồng Phong	Cổng Hitech	3.500	
		Cổng Hitech	Giáp ranh phường Phú Lợi	4.000	
19.35	Đường vào Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2	Suốt tuyến			6.200
19.36	Đường vào Khu dân cư Điện Lực	Đường Lê Hồng Phong	Khu dân cư Điện lực	2.200	
19.37	Khu dân cư Sáng Quang (Phường Mỹ Xuyên)	Cả khu			2.800
19.38	Khu dân cư Lê Thìn (Phường Mỹ Xuyên)				
	Đường số 01	Suốt tuyến			5.000
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến			3.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
19.39	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		2.500
19.40	Khu dân cư Đại Thành	Cả khu		4.000
19.41	Khu dân cư Hồng Phát			
	Đường D1	Suốt tuyến		6.500
	Đường D2, D3; Đường N5	Suốt tuyến		5.500
	Các tuyến đường nội bộ còn lại	Suốt tuyến		4.000
19.42	Khu dân cư Hòa Mỹ	Cả khu		3.000
20	Phường Ngã Năm			
20.1	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Tân Long	Cầu Đỏ mới	1.500
		Cầu Đỏ mới	Đường 30 Tháng 4	900
		Đường 30 Tháng 4	Cầu Trà Ban	800
20.2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 Tháng 2	Đường D4	8.000
		Đường D4	Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	4.000
		Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	2.500
		Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	Kênh 90	2.000
		Kênh 90	Cầu ngã ba Chêch Cầm	1.000
20.3	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	8.000
		Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	7.000
		Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	5.500
		Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	5.000
20.4	Đường Lê Hồng Phong	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	7.000
20.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	8.000
20.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	7.500
20.7	Đường Trần Văn Bảy	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	7.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.8	Đường Mai Thanh Thế	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	8.000
		Đường Trần Văn Bảy	Đường Phạm Hùng	7.500
20.9	Đường Hùng Vương	Cầu Ngã Năm mới (Ngang Khu hành chính)	Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	7.200
		Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	3.500
		Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	2.000
20.10	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Bến Long	Cầu Tư Bí	800
		Cầu Bến Long	Giáp ranh xã Tân Long	600
20.11	Đường 30 Tháng 4	Đường 1 Tháng 5	Hết ranh đất ông Năm Miên	2.000
		Giáp ranh đất ông Năm Miên	Quốc lộ 61B	1.500
20.12	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Rạch Xẻo Cạy	900
		Rạch Xẻo Cạy	Cầu Trà Kết	700
20.13	Đường Lê Văn Tám	Cầu Chùa Ông Bồn đến Đầu Voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	1.100
		Giáp ranh đất bà Ba Đê	Cầu Bào Nhum (Cầu Vú Sữa)	900
20.14	Đường Lê Văn Tám (Đoạn mới làm)	Cầu Chùa Ông Bồn	Hết ranh đất Hai Thời	800
20.15	Đường Lạc Long Quân	Đường Mậu Thân	Hết ranh cầu Ông Bồn cũ	1.000
		Giáp ranh cầu Ông Bồn cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	600
20.16	Đường Mậu Thân	Đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	2.000
		Cầu Treo	Cầu Đường Trâu (ngoài)	1.700
20.17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương (mố cầu Đỏ cũ)	Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	4.500
		Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	Quốc lộ 61B	2.750
20.18	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu ngã ba Chêch Cầm	Giáp ranh xã Tân Long	800
20.19	Đường Huỳnh Thị Tân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	3.850
		Đường Phạm Hùng	Rạch Cống Đá (Trừ phía Khu tái định cư)	1.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.20	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3 Tháng 2	3.500
20.21	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mai Thanh Thế	Cầu bệnh viện	6.000
		Cầu bệnh viện	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	4.100
20.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	3.500
		Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Quốc lộ 61B	3.000
20.23	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Trãi	5.500
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	4.500
20.24	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Cống Đá	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	1.100
		Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	1.000
		Kênh Bến Long	Cầu Tư Bí	800
		Cầu Tư Bí	Hết ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	700
		Giáp ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	900
		Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	Giáp ranh xã Long Hưng	750
20.25	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Lý Thanh	Đường Âu Cơ	4.200
		Cống Lý Thanh	Đường vào Trường THCS Long Tân	1.400
		Đường vào Trường THCS Long Tân	Cầu Tư Bí	700
20.26	Đường Lý Tự Trọng	Đường Âu Cơ	Kênh 8 Tháng 3	2.500
		Kênh 8 Tháng 3	Kênh Mỹ Lợi	1.300
		Kênh Mỹ Lợi	Cầu Kênh Bình Hưng	1.000
		Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	800
20.27	Đường Âu Cơ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1.800
20.28	Đường Khu vực Trà Cú	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh Trung tâm Thương Mại - Phường 2 cũ	3.500
20.29	Đường huyện 79B	Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	800
20.30	Đường huyện 77	Cầu Đường Trâu (Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	550

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.31	Đường huyện 73	Cầu Vú Sữa	Cầu Sóc Sỏi	550
		Cầu Sóc Sỏi	Cầu Đường Tắc	600
20.32	Đường huyện 72	Cầu ngang UBND xã Vĩnh Quới cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	550
20.33	Đường Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Long Hưng	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	600
		Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	Cầu Treo	800
		Cầu Treo	Đường 1 Tháng 5	600
20.34	Đường N1 (Cụm công nghiệp khu vực 4)	Suốt tuyến		800
20.35	Đường số 4	Đường Nguyễn Trãi	Đường N11 (trường THCS phường Ngã Năm)	3.500
20.36	Đường N11	Đường số 4	Đường D14	3.500
20.37	Đường D14	Đường N11	Quốc lộ 61B	3.500
20.38	Đường D2	Đường 3 Tháng 2	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	5.500
20.39	Đường D3	Đường Phạm Hùng	Đường N1	5.500
20.40	Đường N1	Đường D3	Đường D2	5.500
20.41	Khu dân cư khu vực 3, phường Ngã Năm	Đường N1		3.300
		Đường N2		3.300
		Đường số 22		3.300
20.42	Các tuyến đường Trung tâm Phường 1 (cũ)			
	Đường N1	Đường Mai Thanh Thế	Đường D1	6.000
	Đường N2	Đường D4	Đường D1	6.000
	Đường D1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	6.000
	Đường D2	Đường Nguyễn Huệ	Đường N1	6.000
	Đường D3	Đường N2	Đường Nguyễn Trung Trực	6.000
	Đường D4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	6.000
20.43	Khu tái định cư phường 1 cũ			
	Đường Huỳnh Thị Tân	Đoạn thuộc phía Khu tái định cư		2.801
	Đường D1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		2.661
	Đường NB1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		2.521

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
21	Phường Mỹ Quới			
21.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	850
		Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	650
		Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	850
		Cầu Nàng Rền	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	650
21.2	Đường tỉnh 937B	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Ngã ba Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	650
21.3	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vượt Mỹ Bình	600
		Cầu Vượt Mỹ Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	600
21.4	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp (Đường huyện 74)	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất UBND phường 3 cũ	1.600
		Giáp ranh đất UBND phường 3 cũ	Hết cầu Chợ Vĩnh Biên	1.200
		Cầu Chợ Vĩnh Biên	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	700
		Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên		1.900
21.5	Đường huyện 75 (Đường Mỹ Quới - Rộc Lá)	Cầu Mới	Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	700
		Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	Cầu 3 Si	700
		Cầu 3 Si	Cầu Mỹ Hưng	600
		Ngã ba Chợ đầu lộ (Điện máy xanh)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	1.400
		Giáp ranh đất ông Phạm Văn Thực	Đầu ranh đất Trường Mầm non Mỹ Bình	600
		Trường Mầm non Mỹ Bình	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	650
		Cầu Nàng Rền (Mỹ Bình cũ)	Giáp ranh ấp Mỹ Hòa, xã Tân Long	600
21.6	Đường huyện 79A	Toàn tuyến (Cầu Mới đến giáp Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây)		550
21.7	Đường huyện 79C	Cầu Chợ Mỹ Quới	Cầu Lung Sen	1.000
		Cầu Lung Sen	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	750

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
21.8	Đường huyện 76 (Đường tỉnh 937B)	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1.400
		Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	950
21.9	Ấp Mỹ Thành	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1.400
		Giáp ranh Đường Cống thoát nước (Hết ranh quy hoạch Chợ Mỹ Quới)	Ngã ba nhà ông Phạm Văn Thực	750
21.10	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B (Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2)	Cầu Mới (Cầu Sắt)	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1.300
21.11	Ấp Mỹ Tường B	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Cầu Ông Xi	850
21.12	Ấp Mỹ Thọ	Cầu Năm Châu	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	700
21.13	Ấp Mỹ Tây A	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	850
		Đất ông Dương Huỳnh Long	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	550
21.14	Lộ kênh Huỳnh Yển (2 bên)	Cầu Cống Đá cũ	Kênh Trà Chiên	600
		Kênh Trà Chiên	Hết tuyến	550
21.15	Các tuyến đường trung Tâm Chợ Mỹ Quới			
	Tuyến Số 1	Nhà ông Thường	Nhà ông Huệ	3.500
	Tuyến Số 2	Nhà ông Tường	Nhà bà Mai	3.500
	Tuyến Số 3	Nhà Kim Lý	Nhà ông Tân	3.500
	Tuyến Số 4	Nhà ông Khoa	Nhà ông Giang	3.500
	Tuyến Số 5	Từ ranh đất ông Đạt Em	Đường cống thoát nước (Đến hết ranh đất quy hoạch Chợ hướng cấp kênh Thầy Cai Nhâm)	3.500
	Tuyến Số 6	Hết ranh đất ông Đạt Em	Cầu Mới (Hướng về Cầu Mỹ Hưng)	4.000
	Tuyến Số 7	Giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Tính	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	3.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
22	Phường Khánh Hoà			
22.1	Đường tỉnh 935	Cầu Mỹ Thanh	Đường Đal Châu Khánh	2.200
		Đường Đal Châu Khánh	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1.800
22.2	Đường trục Phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 935	Giáp sông Vĩnh Châu	1.000
		Cầu Vĩnh Châu	Giáp sông Cổ Cò	900
22.3	Đường tỉnh 936	Cầu Dù Há	Cầu Ngã tư	900
		Cầu Ngã tư	Trường THCS Vĩnh Hiệp	1.000
		Trường THCS Vĩnh Hiệp	Giáp sông Cổ Cò (đầu voi)	900
22.4	Đường huyện 45	Kênh Dâu	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	550
22.5	Đường huyện 46A	Đường tỉnh 936	Giáp rạch Trà Nho	700
22.6	Đường huyện 46B	Đường huyện 42	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	550
22.7	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	Đường tỉnh 936	Cổng Trà Nho	600
		Giáp sông Mỹ Thanh	Hết ranh đất đình Hòa Giang	550
22.8	Đường huyện 42	Đường tỉnh 936	Giáp Rạch Trà Nho	550
22.9	Đường huyện 41	Đường tỉnh 935	Cầu Dù Hiên	1.100
		Cầu Dù Hiên	Ngã ba đường tránh điện gió	1.400
		Ngã ba đường tránh điện gió	Cầu Thanh Niên (Đường huyện 40)	900
22.10	Đường vào Trung tâm xã Hòa Đông	Ngã ba từ Chợ Hòa Đông (Đường huyện 41)	Giáp Rạch Trà Niên	1.500
22.11	Đường Đal Trà Teo Thạch Sao	Chùa Phước Trường An (Đường huyện 41)	Đê quốc phòng (Đường huyện 40)	700
22.12	Tuyến lộ đal trong khu vực chợ Hòa Đông	Suốt tuyến		580

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23	Phường Vĩnh Châu			
23.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Đường vào Chùa Cà Săng	4.500
		Giáp đường vào Chùa Cà Săng	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	2.300
	Hẻm 2	Đường huyện 48	Đường Nam Sông Hậu	1.000
	Hẻm 239	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1.400
23.2	Đường tỉnh 935	Cầu Giồng Dú	Hết ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	2.300
		Giáp ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1.600
23.3	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	Giáp ranh Cống số 10	600
		Giáp ranh Cống số 10	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1.300
23.4	Đường huyện 45	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh đất Trại giam	600
		Giáp ranh đất Trại giam	Giáp ranh phường Khánh Hòa	550
23.5	Đường huyện 48 (Giồng Nhãn)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	2.500
		Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	Giáp cổng Chùa Mới (Đường Nam Sông Hậu)	1.800
23.6	Đường huyện 43	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh cầu Giồng Dú	2.100
		Cầu Giồng Dú	Giáp ranh đất Cây xăng Hữu Cồn	1.600
		Ranh đất cây xăng Hữu Cồn	Hết ranh đất Chùa Hải Phước An	2.300
		Ranh đất Chùa Hải Phước An	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	900
23.7	Đường Lý Thường Kiệt	Suốt tuyến		4.400
23.8	Đường Trung Trắc	Suốt tuyến		16.400
23.9	Đường Trung Nhị	Suốt tuyến		16.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23.10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Đường Nam Sông Hậu	Cầu Ngang	4.500
		Cầu Ngang	Hết ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	6.800
		Ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	Ngã tư Đường Lê Lai	7.700
		Ngã tư Đường Lê Lai	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	10.800
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Thanh Giản	9.000
		Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	4.000
23.11	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		5.900
23.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Nam Sông Hậu	Ngã tư Nguyễn Huệ	7.200
		Ngã tư Nguyễn Huệ	Cầu Vĩnh Châu	9.000
		Cầu Vĩnh Châu	Hết đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	6.300
		Giáp đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	Cầu Giồng Dú	5.000
23.13	Hẻm 102 (Vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	Suốt tuyến		1.400
23.14	Đường 30 Tháng 4 nối dài	Đê Biển	Giáp ranh đất ông Châu Mên Xen (Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42)	3.640
23.15	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Đường số 6	6.800
23.16	Đường Lê Lợi	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	7.700
		Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	6.500
		Ngã ba Đường Phan Thanh Giản	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	3.500
23.17	Đường Phan Thanh Giản	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ	4.400
23.18	Đường Phan Thanh Giản nối dài	Đường Nguyễn Huệ	Đường Châu Văn Đơ	3.000
23.19	Đường Nguyễn Huệ	Đầu ranh đất Thanh Minh Cổ Miếu	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	10.500
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	8.500
		Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	7.500
		Đường Thanh Niên	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	4.800
	Hẻm 375 (Cặp Trường Dân tộc Nội trú)	Suốt tuyến		1.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23.20	Đường Thanh Niên	Suốt tuyến		5.000
23.21	Đường Đồng Khởi	Đường 30 Tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	9.400
		Đường 30 Tháng 4	Cổng Ông Trầm	4.100
		Cổng Ông Trầm	Cầu Vĩnh Châu 2	2.700
23.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đồng Khởi	Cầu Chợ mới	5.600
		Cầu Vĩnh Châu	Cổng Ông Trầm	2.300
23.23	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Suốt tuyến		10.900
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sông Vĩnh Châu	1.800
23.24	Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		11.000
23.25	Đường Lê Hồng Phong nổi dài	Đầu ranh đất Chợ cũ	Hết ranh đất Khu Thương mại mới xây dựng	6.800
23.26	Đường Châu Văn Đơ	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	4.700
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	Suốt tuyến		900
23.27	Đường số 1	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	5.600
		Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	4.700
23.28	Đường số 2	Đường 1 Tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	4.700
		Đường 1 Tháng 5	Đường số 1	4.700
23.29	Đường số 3	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	5.600
23.30	Đường số 6	Suốt tuyến		6.800
23.31	Đường số 7	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	6.800
		Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	4.400
23.32	Đường số 8	Suốt tuyến		7.000
23.33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trưng Nhị	Đường Lê Lai	7.000
23.34	Đường Lê Lai	Cầu Mậu Thân (Cầu Nước Mắm)	Đường Nam Sông Hậu	6.800
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	3.800
		Đường huyện 48	Đê Biển	3.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23.34	Hẻm 70 (Cặp Ngân hàng Chính sách)	Đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	1.200
		Đoạn còn lại		1.000
	Hẻm 85 (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	Đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	1.100
		Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thêm	1.000
		Đoạn còn lại		800
	Hẻm 99 (Vào nhà ông Trạng)	Đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	1.100
		Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	1.000
23.35	Đường Giồng Giữa (khu 5)	Suốt tuyến		1.500
23.36	Đường Mậu Thân	Suốt tuyến		1.100
23.37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		900
23.38	Đường Tăng Du	Suốt tuyến		700
23.39	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	Suốt tuyến		700
23.40	Lộ Đol Chêl	Suốt tuyến		600
23.41	Lộ Đol Chát	Suốt tuyến		600
23.42	Lộ vô Chùa Cà Săng	Suốt tuyến		700
23.43	Đường Ca Lạc Đại Bái	Suốt tuyến		700
23.44	Đường vào Chùa Đại Bái	Lộ chùa Đại Bái	Đường Nam Sông Hậu	550
23.45	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	Suốt tuyến		900
23.46	Khu tái định cư Lê Lai	Cả khu		1.660
24	Phường Vĩnh Phước			
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Cổng Wáth Pích	4.200
		Cổng Wáth Pích	Hết ranh đất trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	3.000
		Giáp ranh trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Cổng PiPu	1.500
		Cổng PiPu	Hết ranh UBND phường Vĩnh Phước	4.200
		Giáp ranh UBND phường Vĩnh Phước	Hết ranh Salatel khóm Sở Tại B	6.900
		Giáp ranh Salatel khóm Sở Tại B	Cổng Xã Hạo	1.500
		Cổng Xã Hạo	Cổng Chùa Tham Chu	2.000
		Cổng Chùa Tham Chu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
24.2	Đường tỉnh 936	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Làng Mới	2.200
		Cầu Làng Mới	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1.100
24.3	Đường tỉnh 940	Đường Nam Sông Hậu	Cầu 41	1.100
		Cầu 41	Cầu 47	900
		Cầu 47	Giáp ranh xã Hòa Tú	1.100
24.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Giáp ranh xã Lai Hòa	600
24.5	Đường huyện 40	Giáp ranh xã Lai Hòa	Giáp ranh phường Khánh Hòa	600
24.6	Đường huyện 42	Suốt tuyến		600
24.7	Đường huyện 47	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Chợ	7.200
		Cầu Chợ	Đường huyện 40	1.800
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	600
		Đường huyện 48	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	550
24.8	Đường huyện 47B	Đường Nam Sông Hậu	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	700
24.9	Đường huyện 48	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Đường vào Trạm khuyến nông	1.400
		Đường vào Trạm khuyến nông	Hết ranh Miếu Thượng Đê Cỏ Miếu	900
		Giáp ranh Miếu Thượng Đê Cỏ Miếu	Cổng Nô Puôl	1.100
		Cổng Nô Puôl	Giáp ranh xã Lai Hòa	1.400
24.10	Đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Ngã tư Đường Nam Sông Hậu	5.000
24.11	Hẻm trong chợ Xẻo Me	Suốt tuyến		5.900
24.12	Hẻm cặp Trường DT Nội trú	Suốt tuyến		700
24.13	Lộ Phước Tân	Đường huyện 47	Hết tuyến	600
24.14	Lộ Tà Lét	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	600
24.15	Lộ Vĩnh Thành	Đường Nam Sông Hậu	Sông Vĩnh Thành (Hết tuyến)	1.400
		Đường Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1.400
		Đoạn còn lại		550
24.16	Đường cống Wáth Pích	Cống Wáth Pích	Đường huyện 48	600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25	Phường Vị Thanh			
25.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Cầu Cái Nhúc	22.600
		Cầu Cái Nhúc	Đường Nguyễn Viết Xuân	15.800
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Cầu Chủ Chệt	11.300
		Cầu Chủ Chệt	Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	8.100
		Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	Cầu Rạch Gốc	11.200
25.2	Đường Châu Văn Liêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	21.800
25.3	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	21.800
25.4	Đường Trung Trắc	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	21.800
25.5	Đường Trung Nhị	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	21.800
25.6	Đường Lê Lai	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	19.300
25.7	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	19.300
25.8	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	21.800
25.9	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	21.800
		Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lưu Hữu Phước	15.500
25.10	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Châu Văn Liêm	Đường Nguyễn Thái Học	21.800
25.11	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Lữ Quán	Đường Nguyễn Thái Học	21.800
		Đường Nguyễn Thái Học	Cầu Nguyễn Công Trứ	13.100
		Cầu Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Quý Đôn	9.200
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	6.500
25.12	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	13.600
25.13	Đường Cô Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trung Trắc	13.600
25.14	Đường Cô Bắc	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trung Trắc	13.600
25.15	Đường Cai Thuyết	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trung Trắc	13.600
25.16	Đường Cai Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trung Trắc	13.600
25.17	Đường Phó Đức Chính	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trung Trắc	13.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.18	Đường Chiêm Thành Tấn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	16.400
25.19	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lê Văn Tám	Kênh Quan Đế	16.400
25.20	Đường Lê Văn Tám	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	9.600
25.21	Đường Kim Đồng	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	11.400
25.22	Đường Trần Quang Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	9.600
25.23	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết vòng Hồ Sen	9.100
25.24	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	12.700
25.25	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	12.700
25.26	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	10.700
25.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Bảy Tuốt	8.900
		Cầu Bảy Tuốt	Cầu Xáng Hậu	6.800
25.28	Đường Trần Quốc Toản	Đường 1 Tháng 5	Đường Châu Văn Liêm	9.600
25.29	Đường Trương Định	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường 30 Tháng 4	9.500
25.30	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	13.900
25.31	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	11.900
25.32	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	11.000
25.33	Đường Lê Văn Nhung	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	11.000
25.34	Đường Trần Hoàng Na	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	11.000
25.35	Đường Lê Bình	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	11.000
25.36	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu Cái Nhúc 2	Đường Lê Quý Đôn	11.900
		Đường Lê Quý Đôn	Cổng 1	10.500
25.37	Đường Võ Thị Sáu	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	11.000
25.38	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lê Quý Đôn	11.900
		Cầu Lê Quý Đôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Lự	10.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.39	Đường Đồ Chiểu	Đường Nguyễn Công Trứ	Kênh Quan Đế	8.000
25.40	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Đồ Chiểu	Đường Trần Ngọc Quế	8.000
25.41	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Thị Trinh	13.100
25.42	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba chợ	Chùa Ông Bồn	11.300
25.43	Đường Phan Văn Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	11.300
25.44	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	11.300
25.45	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	8.800
25.46	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	8.800
25.47	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	9.500
25.48	Đường Cao Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	8.600
25.49	Đường Trần Văn Hoài	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Hết đường	6.900
25.50	Đường Triệu Thị Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	8.000
25.51	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Đường Cao Thắng	Đường Cống 1	6.900
25.52	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về trung tâm xã Hỏa Lựu	7.700
25.53	Đường Lương Đình Của	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Trường Tộ	8.300
25.54	Đường Cao Bá Quát	Đường Võ Văn Tần	Đường Võ Văn Kiệt	7.700
25.55	Đường Trần Văn Ôn	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	8.300
25.56	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	8.300
25.57	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	8.300
25.58	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	8.300
25.59	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	8.300
25.60	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	8.300
25.61	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	8.300
25.62	Đường Nguyễn Thông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Thi Sách	8.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.63	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	8.300
25.64	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Trần Văn Ôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Lự	8.300
25.65	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	8.300
25.66	Đường Nguyễn Hữu Cầu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	8.300
25.67	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	8.300
25.68	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	8.300
25.69	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	8.300
25.70	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	8.300
25.71	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Võ Văn Kiệt	8.300
25.72	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Nguyễn Du	Đường Đặng Minh Khiêm	8.300
25.73	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	9.100
25.74	Đường Lương Thế Vinh	Đường Thi Sách	Đường Lê Anh Xuân	8.300
25.75	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	8.300
25.76	Đường Nguyễn Biểu	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	8.300
25.77	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	9.100
25.78	Đường Đào Duy Từ	Đường Thi Sách	Hết đường	7.300
25.79	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Nguyễn Biểu	8.300
25.80	Đường vào Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Cụm công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	7.800
25.81	Hai tuyến đường vào Khu dân cư - Thương mại phường VII (586)	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Khu dân cư - Thương mại	5.900
25.82	Đường 1 Tháng 5 nối dài	Kênh Quan Đế	Kênh Xáng Hậu	8.900
		Kênh Xáng Hậu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	6.800
25.83	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Viết Xuân	4.900
		Cầu Nguyễn Viết Xuân	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Lự	2.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.84	Đường Vị Bình	Kênh Mường lộ Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1.900
25.85	Đường Vị Bình B	Kênh Vị Bình	Kênh ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1.500
25.86	Đường Kênh Tắc Vị Bình	Cầu Xáng Hậu	Kênh Vị Bình	1.900
25.87	Đường Đồng Khởi	Ranh Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	2.700
25.88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	3.000
25.89	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Trung tâm phòng, chống bệnh xã hội	5.200
25.90	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	4.600
25.91	Đường Cống 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	5.600
25.92	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Cầu Trần Ngọc Quế	Đường Lê Quý Đôn	3.200
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	2.800
		Đường Phan Đình Phùng	Cầu Kênh Công (Cống 1)	2.600
		Cầu Kênh Công (Cống 1)	Đường Đồng Khởi	2.400
25.93	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trục	11.300
25.94	Đường Tạ Quang Tỹ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trục	11.300
25.95	Khu đô thị mới Cát Tường	Đường Nguyễn Công Hoan		8.200
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường Thi Sách, Đường Hồ Thị Kỷ, Đường Cống Quỳnh, Đường Đặng Minh Khiêm, Đường Đặng Nguyên Cẩn, Đường Đinh Công Tráng, Đường Trần Nguyên Hãn, Đường Bùi Văn Ba, Đường Nguyễn Thị Du)		5.300
25.96	Đường Lê Quý Đôn nối dài	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Quốc lộ 61C	3.900
25.97	Đường tỉnh 931	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	2.600
25.98	Khu dân cư 425 Trần Hưng Đạo	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo)		7.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.99	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 1 Tháng 5 nối dài	8.600
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Hồ Thị Kỷ	7.800
25.100	Hẻm 427, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	11.500
25.101	Hẻm 437, 451, 465, 481, 529 thuộc Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	10.300
25.102	Hẻm 73, Đường Nguyễn Thái Học	Suốt hẻm		9.000
25.103	Hẻm 1, Đường Lưu Hữu Phước	Suốt hẻm		6.400
25.104	Hẻm 19, Đường Chiêm Thành Tấn	Suốt hẻm		9.800
25.105	Đường cặp kênh Hậu Bệnh Viện (Tỉnh Hậu Giang cũ)	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	3.500
25.106	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	3.500
25.107	Đường cặp Kênh Trung Đoàn	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	3.200
25.108	Đường Phan Huy Chú	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	5.300
25.109	Đường Trần Quý Cáp	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	5.300
25.110	Khu đô thị mới Cát Tường II	Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (gồm: Đường số 4, 5, 6, 7, 8)		5.300
		Đường số 1		6.900
		Các lô (nền) tái định cư		5.300
25.111	Hẻm 147 (3,5 mét)	Đường Trần Ngọc Quế	Kênh phân lô	4.000
25.112	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Kênh Hậu Bệnh Viện	Đường Võ Văn Kiệt	1.500
25.113	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	1.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26	Phường Vị Tân			
26.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Đường Ngô Quốc Trị	20.000
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	20.000
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	14.000
26.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Tràm Cửa	10.300
		Cầu Tràm Cửa	Cầu Mường lộ 62	8.700
26.3	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 Tháng 2	Cầu 30 Tháng 4	11.500
		Cầu 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Trãi	8.800
		Đường Nguyễn Trãi	Hẻm 141	6.300
		Hẻm 141	Đường 19 Tháng 8	4.500
		Đường 19 Tháng 8	Giáp ranh tỉnh An Giang	3.915
26.4	Đường Nguyễn Huệ	Kênh Mường Lộ 62	Cầu Xà No	2.500
		Cầu Xà No	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1.800
		Kênh 59	Kênh Tắc Huyện Phương	5.300
		Kênh Tắc Huyện Phương	Cầu Bà Quyền	1.600
		Cầu Bà Quyền	Sông Ba Voi	1.300
26.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngô Quốc Trị	18.600
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Miếu	13.300
		Cầu Miếu	Giáp ranh xã Vị Thủy	9.500
		Cầu 2 Tháng 9	Cầu Xà No	17.700
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	12.400
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	13.000
26.6	Đường Võ Văn Kiệt	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Liên	10.300
26.7	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	9.000
		Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh xã Vị Thủy	6.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.8	Khu dân cư Phát triển Đô thị Khu vực 2 và 3 phường V	Các đường nội bộ (Trừ các vị trí tiếp giáp Đường Võ Văn Kiệt và Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		7.400
26.9	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl 2	Đường D6 lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6) và Đường D13 lộ giới 35 mét (6 - 23 - 6) đầu nối vào Đường Võ Văn Kiệt		9.100
		Đường D9, D10 có lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6); Đường N9 có lộ giới 29 mét (7 - 15 - 7); Đường D21 có lộ giới 26 mét (5 - 16 - 5)		8.900
		Đường D9, D10 có lộ giới 22 mét (6 - 10 - 6)		8.300
		Đường N4A, N4B lộ giới 20,5 mét (5 - 10,5 - 5)		7.800
		Đường D8, D11, N1A, N1B lộ giới 17 mét (4 - 7 - 6; 5 - 7 - 5)		7.400
		Các tuyến đường còn lại có lộ giới từ 12 mét đến 15 mét		6.900
26.10	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Hòa Bình nối dài và Đường Trần Hưng Đạo)		12.000
26.11	Khu nhà ở xã hội thấp tầng liền kề tại Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đường số 1, 2, 3		6.300
26.12	Khu dân cư Thương mại Vị Thanh	Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 1 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		6.300
		Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 2 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		5.500
26.13	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh - giai đoạn 1	Đường số 4 (Lộ giới 24 mét)		6.100
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 3 (lộ giới 17 mét) và các Tuyến đường 1, 13 (Lộ giới 15 mét))		5.500
26.14	Khu tái định cư Tỉnh ủy - Giai đoạn 3	Đường D12, lộ giới 24 mét		6.100
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 1, 2, 4)		5.500
26.15	Đường Âu Cơ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Thành Đô	6.300
26.16	Đường Nguyễn Thành Đô	Đường An Dương Vương	Đường Hùng Vương	6.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.17	Đường Lý Nam Đế	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	6.300
26.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	6.300
26.19	Đường Lạc Long Quân	Đường Hùng Vương	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	7.200
26.20	Đường An Dương Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
26.21	Đường Triệu Quang Phục	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Thành Đô	6.300
26.22	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	6.300
26.23	Đường Bế Văn Đàn	Đường Âu Cơ	Đường Trần Quang Khải	6.300
26.24	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	6.300
26.25	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
26.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	6.300
26.27	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	6.300
26.28	Đường Nguyễn Văn Quang	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Kim	6.300
26.29	Đường Nguyễn Kim	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	6.300
26.30	Đường Phan Đình Giót	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	6.300
26.31	Đường Mạc Cửu	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	6.300
26.32	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	6.300
26.33	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	6.300
26.34	Đường Trần Khánh Dư	Đường Lê Đại Hành	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	6.300
26.35	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Võ Văn Kiệt	6.300
26.36	Đường Nguyễn Ngọc Trai	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	6.300
26.37	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	6.300
26.38	Đường Nguyễn Thị Sáu	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Văn Tạo	6.300
26.39	Đường Nguyễn Văn Tạo	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	6.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.40	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Lạc Long Quân	Đường Võ Văn Kiệt	6.300
26.41	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	6.300
26.42	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
26.43	Đường Hòa Bình	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ	7.200
26.44	Đường Hòa Bình nối dài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Hết ranh dự án Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	6.200
26.45	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
26.46	Đường Thống Nhất	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
26.47	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
26.48	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3 Tháng 2	18.600
26.49	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ	7.200
26.50	Đường Nguyễn An Ninh	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Cầu Nguyễn An Ninh	8.900
26.51	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Đen	8.800
		Cầu Đen	Kênh Tắc Huyện Phương	6.800
26.52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	5.300
26.53	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	7.300
26.54	Đường 19 Tháng 8	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	4.900
		Kênh 59	Cầu Sông Lá	3.100
		Cầu Sông Lá	Đường Chiến Thắng	2.100
26.55	Đường dự mở (Chợ Phường IV cũ)	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	3.800
26.56	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	Cầu Mò Om	3.300
		Cầu Mò Om	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	2.300
		Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Hồng Phong	1.800
26.57	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Kênh Mương Lộ 62	Đường Nguyễn Huệ nối dài	2.200
26.58	Đường Nội vi Trường phụ nữ	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.59	Đường Vị Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mường lộ 62	2.000
26.60	Đường Nguyên Hồng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.900
26.61	Đường Nguyễn Thi	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.900
26.62	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyên Hồng	Đường Lê Hiền Tài	6.900
26.63	Đường Phạm Xuân Ân	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	6.900
26.64	Đường Nguyễn Lữ	Đường Ngô Tất Tố	Đường Phạm Xuân Ân	6.900
26.65	Đường Ngô Tất Tố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	6.900
26.66	Đường Chu Cẩm Phong	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	6.900
26.67	Đường Nguyễn Nhạc	Đường Trừ Văn Thố	Đường Chu Cẩm Phong	6.900
26.68	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	6.900
26.69	Đường Lê Hiền Tài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.900
26.70	Đường Bùi Thị Cúc	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	3.600
26.71	Đường Kênh Lộ 1 (phường IV cũ)	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	2.400
26.72	Đường Lê Tấn Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Nét	7.300
26.73	Đường Nguyễn Văn Nét	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	7.300
26.74	Đường Chiến Thắng	Khu căn cứ Thị xã ủy	Đường Nguyễn Huệ	900
26.75	Đường Lung Nia - Vị Tân	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1.000
26.76	Khu dân cư Kho bạc Hậu Giang	Đường nội bộ (Mặt đường 5,5 mét)		2.900
26.77	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường 19 Tháng 8	900
26.78	Đường Nàng Chăng	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Kênh KH9	900
26.79	Đường kênh Mường Lộ 62 (4 mét)	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Rạch Tràm Cửa	2.700
		Cầu Nguyễn An Ninh	Rạch Mò Om	2.700
26.80	Hạng mục: LIA 3 của dự án Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	Các hẻm còn lại thuộc địa bàn phường IV (cũ)		2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.81	Hẻm 76, Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Trãi	Kênh Tắc Huyện Phương	4.100
26.82	Đường giao thông nông thôn (từ 3,5 mét trở lên)	Các khu vực trên địa bàn phường Vị Tân		900
27	Phường Long Bình			
27.1	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Phú Xuyên	Đường Phạm Văn Nhờ	8.900
		Đường Phạm Văn Nhờ	Đường dự mở theo quy hoạch	8.600
27.2	Quốc lộ 61B	Ngã ba Vĩnh Tường	Cầu Long Bình	4.700
		Cầu Long Bình	Vòng xuyên	6.500
		Vòng xuyên	Cầu Long Mỹ	8.100
27.3	Đường tỉnh 927B	Ngã ba Vĩnh Tường	Đường tỉnh 927	3.500
27.4	Khu tái định cư khu vực Bình Thạnh B	Vòng xuyên	Ranh Khu dân cư thị xã Long Mỹ	9.600
		Các đường nội bộ khu vực đấu giá		9.600
		Các đường nội bộ còn lại		7.500
27.5	Đường vào Cầu Vĩnh Rầy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Long Mỹ	2.700
		Cầu Long Mỹ	Cầu Vĩnh Rầy	2.200
27.6	Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xuyên	Cầu Ba Ly	3.600
27.7	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Bờ Dừa	2.900
		Đập Bờ Dừa	Cầu Nước Đục	2.100
27.8	Đường Khu vực Bình Thạnh B về Khu vực Bình An	Cầu Nước Đục	Khu vực Bình An	1.600
27.9	Đường Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Ly	Đường Phạm Văn Nhờ	3.600
27.10	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh Sáu Điện	5.900
		Kênh Sáu Điện	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	4.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
27.11	Tuyến cấp Kênh Xáng Nàng Mau II ngang qua Cầu lộ Ba Suy đến Cầu Út Tiều	Cầu Giồng Sao	Cầu Út Tiều	1.200
27.12	Đường nối vào Trường Mẫu giáo Phụng Hồng	Quốc lộ 61	Rạch Giồng Sao	1.700
27.13	Tuyến Rạch Giồng Sao đến Cầu Nóc Mít	Cầu Giồng Sao	Cầu Nóc Mít	1.800
27.14	Tuyến cấp Kênh Xáng Nàng Mau II	Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Suy	1.200
27.15	Tuyến Kênh Tắc	Quốc lộ 61	Kênh Ông Cả	1.200
27.16	Tuyến Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Vĩnh Rẫy	Kênh Tắc	1.500
27.17	Tuyến cấp sông Cái Lớn	Cầu Vĩnh Rẫy	Bến đò Chín Mun	1.100
27.18	Tuyến Lý Vàng	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1.100
27.19	Tuyến Cựa Gà (Khu vực Bình An)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1.300
27.20	Tuyến Cựa Gà (Khu vực An Hòa)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1.200
27.21	Chợ Vĩnh Tường	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 61B)		2.500
27.22	Chợ Bình Tân	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.700
27.23	Chợ Bình Hiếu	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.400
27.24	Tuyến 4 Thước	Cầu Giồng Sao	Kênh Xáng Lái Hiếu	900
27.25	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	Đường số 1, 2, 3 theo quy hoạch xây dựng		5.600
		Đường số 4, 5, 6, 7 theo quy hoạch xây dựng		5.300
27.26	Đường về Trung tâm xã Long Bình	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	Cầu Vàm Xáng	900
27.27	Đường giao thông nông thôn về xã Long Bình	Quẹo Bào Muồng	Cầu Vàm Xáng	900
27.28	Tuyến cấp Kênh Ông Cả	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	900
27.29	Tuyến cấp Kênh Hồ Tỷ	Kênh Tắc	Quốc lộ 61B	900
27.30	Tuyến Chủ Mỹ	Sông Cái Lớn	Kênh Xáng Lái Hiếu	900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
28	Phường Long Mỹ			
28.1	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 61B	Đường Cách Mạng Tháng Tám	12.000
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Huệ	13.500
		Đường Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 930	15.000
28.2	Quốc lộ 61B	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ		5.100
		Vòng xoay Quốc lộ 61B	Cổng Năm Khai	3.900
		Cổng Năm Khai	Cầu Hậu Giang 3	3.500
28.3	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	9.200
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	6.600
28.4	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 930	9.600
		Đường tỉnh 930	Nhà thờ Thánh Tâm	6.700
		Nhà thờ Thánh Tâm	Cổng Hai Thiên	4.700
28.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	9.200
28.6	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	7.900
28.7	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	7.200
28.8	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	13.500
		Đường Chiêm Thành Tấn	Đường tỉnh 930	8.500
		Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	7.100
28.9	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Chiêm Thành Tấn	9.000
28.10	Đường 3 Tháng 2	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	11.500
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	11.300
		Cầu Long Mỹ	Kênh Ba Nghiệp	9.600
28.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Phú Xuyên	11.700
28.12	Đường Trần Phú	Cầu Trà Ban 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	3.600
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Quốc lộ 61B	4.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
28.13	Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	6.000
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	5.400
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	5.000
28.14	Lộ vòng cung khu vực 1	Bến đò sông Cái Lớn	Nhà máy điện sinh khối	2.000
		Nhà máy điện sinh khối	Cầu Trắng	1.800
28.15	Đường Chiêm Thành Tấn	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	5.300
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường vào Chùa Ba Cô	4.200
		Đường vào Chùa Ba Cô	Am Cô Năm	3.600
		Am Cô Năm	Cầu Quan Ba	2.900
28.16	Đường Nguyễn Quốc Thanh	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	6.300
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	7.200
28.17	Khu dân cư khu vực 2, phường Thuận An	Các nền mặt tiền Đường Cách Mạng Tháng Tám		13.500
		Các nền vị trí còn lại		12.000
28.18	Tuyến đường song song đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	4.500
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	3.200
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	2.200
28.19	Dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực 1, phường Long Mỹ	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Cách Mạng Tháng Tám)		2.000
28.20	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Năm Tùng thuộc khu vực 1	Cầu Trạm bơm	Kênh ranh khu vực 1 - 3	2.000
28.21	Tuyến đường bê tông giáp hàng rào Nhà máy điện sinh khối thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	2.800
28.22	Tuyến đường bê tông giáp Rạch Cái Bần thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Ngã tư (Đất ông Trần Ngọc Anh)	2.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
28.23	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Hậu thuộc khu vực 4	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ	Kênh Năm Khai	2.800
		Kênh Năm Khai	Kênh Hậu Giang 3	1.900
28.24	Đường ô tô về Chợ Cái Nai	Kênh Ba Nghiệp	Cầu Cái Nai	2.100
28.25	Đường Lộ Tổng	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1.700
28.26	Chợ Cái Nai	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.800
28.27	Đường Chùa Hưng Trị Tự	Cầu Cái Nai	Cầu Năm Tiễn	1.000
28.28	Đường Cái Bần A	Cầu Cái Bần	Cầu Ngọn Đường Cày	1.000
28.29	Đường Cái Bần B	Cầu Cái Bần	Cầu Tư Hoe	1.000
28.30	Đường Sáu Hạnh	Đường Lộ Tổng	Đường cặp sông Cái Lớn	1.300
28.31	Đường Xẻo Xu A	Đường cặp sông Cái Lớn	Cầu Hậu Giang 3	1.000
28.32	Đường cặp sông Cái Lớn	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1.700
		Cầu Lộ Tổng	Giáp ranh xã Phương Bình	1.000
29	Phường Long Phú 1			
29.1	Đường tỉnh 928B (Hiện hữu)	Quốc lộ 61B	Cầu Hào Bửu	3.000
		Cầu Hào Bửu	Cầu Tám Cựa	2.700
		Cầu Tám Cựa	Cầu Ván	2.100
		Ngã tư Long Khánh	Cầu Xẻo Xu (Giáp ranh xã Phương Bình)	3.000
		Đường tỉnh 928B	Ngã tư Long Khánh	3.000
29.2	Tuyến giáp Trung tâm phường Trà Lồng (cũ)	Kênh Nhà Thờ (Buru Điện)	Kênh Tư Kiến (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	3.000
		Kênh Tư Kiến	Giáp ranh xã Phương Phú (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	2.100
		Kênh Tư Tiên	Giáp ranh phường Ngã Năm	2.600
		Cầu Tám Cựa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	3.000
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Ba Giáp	2.100
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Tư Kiến	1.500
29.3	Chợ phường Trà Lồng	Chợ phường Trà Lồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng		6.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
29.4	Đường Giữa	Kênh Tư Tiên	Ngã tư Đường về Trụ sở UBND phường Trà Lồng (cũ)	3.000
29.5	Đường Đê Năm Thước	Cầu Tám Cựa (Đường tỉnh lộ 928B)	Quốc lộ 61B	2.000
29.6	Quốc lộ 61B	Kênh Hậu Giang 3	Cảng Trà Ban	3.000
29.7	Các Chợ thuộc địa bàn xã Long Phú	Chợ Tân Bình 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		2.100
		Chợ Long Hòa 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.300
29.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú	Quốc lộ 61B	Kênh Thầy Phó	2.700
29.9	Tuyến Hào Bửu	Đường tỉnh 928B	Kênh Trà Cú	1.300
29.10	Tuyến Hào Hậu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1.800
29.11	Đường Xẻo Cỏ - Xẻo Su - Long Trị (Địa bàn phường Long Phú 1)	Ngã tư Xẻo Cỏ	Kênh Hậu Giang 3 (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1.100
29.12	Tuyến Ngã năm Trụ đá	Ngã năm Trụ đá	Cầu Ba Giáp	2.000
29.13	Tuyến Kênh Trâm Bầu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	2.000
29.14	Tuyến lộ phụ 928B	Cầu Tám Minh	Cầu Hào Bửu	2.000
29.15	Tuyến Kênh Ngang	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	2.000
29.16	Tuyến Kênh Mướp B	Ngã tư Xẻo Cỏ	Cầu Tám Giử	2.000
30	Phường Đại Thành			
30.1	Đường tỉnh 927C	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Ngàn	7.200
		Kênh Ba Ngàn	Kênh Mái Dầm	5.000
		Kênh Mái Dầm	Kênh Đứng	3.500
		Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	3.100
30.2	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Mang Cá	10.200
30.3	Đường Trương Nguyệt Thu	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Minh Quang	6.100
30.4	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Văn Sơn	5.000
		Đường Trần Văn Sơn	Cổng Hai Đào (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	3.200
30.5	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Kênh Tám Nhái	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1.200
30.6	Đường Nguyễn Minh Quang	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Cầu Ba Ngàn	4.100
		Cầu Ba Ngàn	Cầu Tân Thành	2.900
		Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	2.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.7	Đoạn nhánh Nguyễn Minh Quang (Lộ cũ)	Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Tân Thành	1.200
		Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Ba Ngàn	1.300
30.8	Đường Trần Văn Sơn	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh 500	4.600
		Cầu Kênh 500	Kênh Đào	1.200
30.9	Đường Nguyễn Thị Lụa	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1.500
30.10	Đường Lâm Thị Hai	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Cầu Kênh Tám Nhái đầu trong giáp phường Ngã Bảy	1.100
30.11	Lộ Kênh Láng Sen - Láng Sen A	Vàm Láng Sen	Kênh Mười Ninh (Giáp ranh xã Phụng Hiệp)	1.100
30.12	Đường Bùi Duy Phần	Đường 3 Tháng 2	Kênh Mười Lành	2.900
30.13	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Kênh Mười Lành	Bưng Thầy Tăng	2.400
		Bưng Thầy Tăng	Hết tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	1.800
	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Cầu Bưng Thầy Tăng	Giáp ranh xã Phú Hữu	2.200
30.14	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến trái)	Cầu Ba Ngàn	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1.600
		Cầu Trạm Y tế	Chợ Ba Ngàn	1.100
30.15	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến phải)	Trụ sở Công an phường Đại Thành	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1.600
		Vàm Kênh Mái Dầm	Vàm Kênh Ba Ngàn	900
30.16	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Đường Lâm Thị Hai	1.000
30.17	Tuyến Xẻo Tre - Sáu Cụt	Kênh Láng Sen	Đập Mười Ninh	1.000
30.18	Tuyến Xẻo Tre - Mương Khai	Kênh Láng Sen	Kênh Chín Khéo (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1.000
30.19	Hẻm cặp Thành đội	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1.200
30.20	Tuyến Kênh Mương Khai	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1.000
30.21	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến trái)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Sông Xáng Cái Côn	1.000
30.22	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến phải)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Cầu Sáu Tình	1.000
		Cầu Sáu Tình	Sông Xáng Cái Côn	900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.23	Tuyến cấp sông Cái Côn (Tuyến phải)	Cầu Rạch Côn	Vàm Bung Thầy Tăng	900
		Vàm Bung Thầy Tăng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.24	Tuyến cấp sông Cái Côn (Tuyến trái)	Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
		Cầu Rạch Côn	Kênh Đứng	900
30.25	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến trái)	Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.100
30.26	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến phải)	Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.27	Kênh Bờ Đê	Đường Hùng Vương	Kênh Đào	1.000
30.28	Tuyến Kênh Sơn Phú (Tuyến phải)	Cầu Trạm Y tế	Cầu Thanh Long	1.000
30.29	Tuyến Lộ Sơn Phú 2 dọc Kênh Thầy Cai (Tuyến phải)	Cầu Thanh Long	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.30	Tuyến Kênh Ông (Tuyến trái)	Cầu Kênh Ông	Kênh Chữ T	1.000
30.31	Tuyến Kênh Mười Sơ	Cầu Mười Sơ (Tuyến phải và trái)	Kênh Ông	1.000
30.32	Tuyến Chín Rù Rì (Tuyến phải)	Cầu Chín Rù Rì	Kênh Ông	1.000
30.33	Tuyến Kênh Hoàng Anh	Vàm Kênh Ba Vũ (Ngang Kênh Chín Rù Rì, tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.34	Tuyến Kênh Chữ T	Vàm Kênh Chữ T (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến phải)	1.000
		Vàm Kênh Chữ T (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến trái)	1.000
30.35	Tuyến Kênh nhỏ dài	Cầu Chín Ân	Cầu Đoàn Thanh Niên	1.000
30.36	Tuyến Chín Ân - Rạch Ngây	Cầu Đoàn Thanh Niên	Vàm Rạch Ngây	1.000
		Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.37	Tuyến Lộ Kênh Sáu Xinh	Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.38	Lộ Cầu Tư Đồ - Cầu Rạch Ngây	Cầu Tư Đồ	Vàm Gạch Ngây (Nhà văn hóa khu vực Đông An 2A)	1.000
30.39	Tuyến Kênh Út Quế (Tuyến trái và phải)	Cầu Kênh Út Quế	Kênh Bảy Thưa	1.000
30.40	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến trái)	Bến đò Bảy Lực	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1.000
30.41	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến phải)	Trường THCS Tân Thành 2 cũ	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.42	Tuyến Kênh Thầy Tăng (Tuyến trái)	Vàm Bung Thầy Tăng	Giáp ranh xã Đại Hải	1.000
30.43	Tuyến Kênh Thầy Tăng (Tuyến phải)	Vàm Bung Thầy Tăng	Giáp ranh xã Đại Hải	900
30.44	Tuyến Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Vàm Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1.000
30.45	Tuyến Kênh Tư Dương	Kênh Tư Dương	Đập Nhà Lắm	1.000
30.46	Tuyến Kênh ranh xã Phú Hữu	Vàm Bung Cây Sắn	Kênh Sáu Xinh	1.000
30.47	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến trái)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1.000
30.48	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến phải)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1.000
30.49	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến phải)	Cầu Út Quế	Kênh Cả Mới	830
30.50	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến trái)	Cầu Út Quế	Ngã Tư Cả Mới	880
30.51	Tuyến Kênh Chính Phinh	Cầu Chính Phinh	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.000
30.52	Kênh Đám Tràm	Cầu Đoàn Thanh Niên	Giáp ranh xã Phú Hữu	550
30.53	Tuyến Kênh Bà Chồn (Tuyến trái và phải)	Kênh Ba Ngàn	Kênh Út Quế	900
30.54	Tuyến Lộ Hậu Đông An	Chợ Ba Ngàn	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1.100
30.55	Tuyến Kênh Cà Ốt (Tuyến trái)	Kênh Ba Phấn (Tuyến kênh Cà Ốt)	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	900
30.56	Tuyến Kênh Mái Dầm (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Vàm Kênh Ba Ngàn	1.200
30.57	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	900
30.58	Tuyến Kênh Cả Mới (Tuyến phải)	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	Ngã tư Cả Mới	900
30.59	Tuyến Kênh Mang Cá (Tuyến trái)	Đường 3 Tháng 2 (Tuyến kênh Mang Cá)	Giáp ranh xã Đại Hải	900
30.60	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	900
30.61	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến phải)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	900
30.62	Tuyến Kênh Đào (Áp Mang Cá, tuyến trái)	Cầu Thanh Niên (Tuyến kênh Mang Cá)	Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	900
30.63	Tuyến Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.64	Tuyến Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Vàm kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Đại Hải	900
30.65	Tuyến Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Vàm Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	900
30.66	Tuyến Kênh Tám Tinh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Tám Tinh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	900
30.67	Khu dân cư nông thôn mới Đại Thành, thị xã Ngã Bảy (Nay là phường Đại Thành)	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường 3 Tháng 2 và Đường tỉnh 927C)		6.100
		Các lô (nền) tái định cư		6.100
30.68	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	Đường số 3 (13 mét)		4.000
		Đường số D2 (13 mét)		4.000
30.69	Khu tái định cư phường Hiệp Lợi	Đường Cao Thị Ngọc, Đường Lê Thị Thuyền, Đường Dương Thị Út, Đường Phạm Thị Nhân, Đường Hà Thị Chấn		3.500
30.70	Tuyến lộ vượt đồng	Kênh đào	Kênh Ba Ngàn	1.000
31	Phường Ngã Bảy			
31.1	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Cầu Đen	18.900
31.2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	24.200
31.3	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xẻo Vông	24.200
31.4	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	24.200
31.5	Đường Triệu Âu	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	21.400
31.6	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	21.400
		Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	21.400
31.7	Đường Hùng Vương	Đường Bạch Đằng	Vòng xoay Ngã năm	18.000
		Vòng xoay Ngã năm (Đường Phạm Hùng)	Cầu Cái Đôi	17.300
		Cầu Cái Đôi	Đường 3 Tháng 2	12.500
		Đường Trương Thị Hoa	Đường 3 Tháng 2	12.300
		Đường 3 Tháng 2	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	8.600
		Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	Giáp ranh xã Đại Hải	6.000
31.8	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Sóc Trăng (Gồm cả đường dẫn)	10.200
		Cầu Sóc Trăng	Cầu Hai Dướng	6.700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	8.400
		Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Đại Thành	5.900
31.10	Đường 30 Tháng 4	Cầu Đen	Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	9.900
		Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	Đường tỉnh 927C	5.900
		Đường tỉnh 927C	Cầu Sậy Niều	3.400
31.11	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Xẻo Vông	Đường 30 Tháng 4	16.500
31.12	Đường Phạm Hùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Minh Quang	17.800
31.13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Ёn	Đường Phạm Hùng	13.400
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	10.400
31.14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	17.800
		Đường Lê Hồng Phong	Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	16.500
		Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	Đường 3 Tháng 2	15.400
31.15	Đường Châu Văn Liêm	Đường Phạm Hùng	Đường Đoàn Văn Chia	11.600
31.16	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	11.600
31.17	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	11.600
31.18	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 1 (Khu đô thị mới)	Siêu thị Co.opmart	17.800
31.19	Đường Nguyễn Văn Nét	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	9.900
31.20	Đường Nguyễn Thị Xem	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	9.900
31.21	Đường Phạm Thị Bảy	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	9.900
31.22	Đường Trương Thị Hoa	Cầu Phụng Hiệp	Đầu Dơi Cát (Kênh Sóc Trăng)	7.900
31.23	Đường Trần Nam Phú	Đường Hùng Vương	Hết ranh Trự sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	4.600
		Giáp ranh Trự sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	Hết Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	3.300
		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	Giáp ranh xã Đại Hải	2.700
31.24	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Trãi	6.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.25	Tuyến Cầu Đình - Giáp ranh phường Đại Thành	Cầu Đình	Cầu Xẻo Môn	1.700
		Cầu Xẻo Môn	Kênh Tám Nhái	1.300
31.26	Đường Lê Thị Tằng	Cầu Đình	Cầu Xẻo Vông	1.700
		Cầu Xẻo Vông	Cầu Kênh Tám Nhái	1.800
31.27	Đường Cao Thắng	Đường 1 Tháng 5	Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	1.800
		Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	Cầu số 1	1.800
		Cầu số 1	Giáp ranh xã Đại Hải	1.800
31.28	Đường 1 Tháng 5	Cầu 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	5.400
31.29	Đường Hoàng Hoa Thám	Cầu Chữ Y	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1.700
31.30	Kênh Búng Tàu (Doi Chành)	Cầu 1 Tháng 5	Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	1.200
		Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	880
31.31	Lộ cấp nhà máy đường	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1.900
31.32	Đường Triệu Vĩnh Tường	Cầu Sậy Niều	Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Ngã Bảy (UBND phường Lái Hiếu cũ)	1.700
31.33	Doi Tân Thới Hòa - Xã Hiệp Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Kênh Hậu Giang 3	1.200
31.34	Doi Tân Thới Hòa - Xã Tân Phước Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Cầu Mười Lê	1.200
31.35	Đường Kênh Cầu Cái Đôi	Cầu Cái Đôi (Tuyến trái - Khu vực V)	Cầu Cái Đôi Trong	2.200
		Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (Đường tỉnh 927C)	1.700
31.36	Đường Nguyễn Văn Thống	Cầu Cái Đôi (Tuyến phải - Khu vực III)	Hồ Xáng Thối	3.200
		Hồ Xáng Thối	Cầu Cái Đôi Trong	1.700
31.37	Đường Nguyễn Thị Định	Kênh Lái Hiếu	Cầu Mười Lê	1.500
31.38	Đường Lê Anh Xuân	Đường Hùng Vương	Trạm Y tế phường Hiệp Thành	4.400
31.39	Đường Trần Thị Năm	Đường Lê Anh Xuân	Đường D6 (12 mét)	4.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.40	Đường Đặng Thị Bảy	Đường Trần Thị Năm	Đường D7 (12,5 mét)	4.400
31.41	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Kênh Láng Sen	900
31.42	Lộ Kênh Sáu Mầu	Đường 3 Tháng 2 (Nút giao Cầu Sóc Trăng)	Đập Năm Đẻ	1.100
31.43	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Đường Trần Nam Phú	4.300
31.44	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Dơi	Cầu Xẻo Môn	3.200
		Cầu Xẻo Môn	Đường Triệu Vĩnh Tường	2.200
31.45	Tuyến Đường Bùi Văn Hoành (Hẻm Tài Chính)	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	12.600
31.46	Tuyến Đường Nguyễn Văn Thạnh	Siêu Thị Co.opmart	Đường Nguyễn Minh Quang	9.000
31.47	Đường Kênh Sáu Láo	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1.200
31.48	Đường Lương Chí	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	12.600
31.49	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	12.600
31.50	Đường Vũ Đình Liệu	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	15.600
31.51	Đường 2 Tháng 9	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	15.600
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	12.000
31.52	Các tuyến đường trong Khu đô thị mới Hồng Phát	Đường Nguyễn Thị Ёn, Đường Trần Thị Nhị, Đường Bùi Thị Quới, Đường Huỳnh Thị Sáu, Đường Lê Thị Tư, Đường Trần Thị Vàng, Đường Trần Thị Mười		12.600
31.53	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu A1, A2)	Đường số 7,8		16.200
31.54	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu C2)	Đường số 2, 3, 6		18.000
31.55	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch khu C2)	Đường số 2, 4		14.400
31.56	Hẻm 3295 (Cặp Trường Cao đẳng Cộng Đồng Hậu Giang)	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1.200
31.57	Tuyến cặp Kênh Mái Dầm	Cầu Tư Cảnh	Giáp ranh phường Đại Thành	2.900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.58	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	7.200
31.59	Tuyến Kênh Mang Cá	Kênh Cái Côn	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Mang Cá)	700
31.60	Tuyến Kênh Cái Côn	Kênh Mang Cá	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Rạch Côn)	700
		Đường 2 Tháng 9	Cầu Rạch Côn (Giáp ranh phường Đại Thành)	2.600
31.61	Tuyến Kênh Mái Dầm - Kênh Rạch Côn	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 2 Tháng 9	2.000
31.62	Kênh 500 (Khu vực V)	Đường 3 Tháng 2	Kênh Cái Đôi	700
31.63	Khu Đô thị mới thị xã Ngã Bảy 2	Các lô (nền) tái định cư		6.200
31.64	Khu tái định cư phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (Nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đường số 36 - Quy hoạch chi tiết (30 mét)		5.300
		Đường số 20 - Quy hoạch chi tiết (28 mét)		5.300
		Đường số 3 - Quy hoạch chi tiết (19 mét)		4.400
		Đường D1, D2, D5 (13 mét)		4.400
		Đường D6 (12 mét)		4.400
		Đường D7 (12,5 mét)		4.400
31.65	Khu dân cư thương mại phường Lái Hiếu	Đường số 1		8.500
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7		8.000
31.66	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Cầu Kênh Đào (Nguyễn Minh Quang)	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	1.200
31.67	Đường tỉnh 927C	Đường 30 Tháng 4	Kênh Xẻo Vông	4.320